

Số: 69/TB-VTTYT
Về việc mời chào giá
trang thiết bị y tế

Cà Mau, ngày 14 tháng 12 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh Viện Đa khoa Cà Mau có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế của Bệnh Viện Đa khoa Cà Mau với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Cà Mau, Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Ông Trần Thế Duy phó phòng VTTYT SĐT: 0901092186.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: phòng VTTYT, Bệnh viện Đa khoa Cà Mau, Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

- Nhận qua email: vattuytecamau@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 15 tháng 12 năm 2023 đến trước 17h ngày 24 tháng 12 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 12 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục trang thiết bị y tế, vật tư y tế yêu cầu báo giá: trong danh mục đính kèm.

- Các nhà cung cấp có thể chào giá theo từng mặt hàng riêng biệt tùy theo khả năng.

- Hình thức báo giá vui lòng theo Mẫu báo giá đính kèm (file excel).

2. Địa điểm cung cấp; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản trang thiết bị y tế.

- Hàng hoá phải được giao tận nơi đến kho của phòng VT-TBYT Bệnh viện đa khoa Cà Mau. Địa chỉ: Số 16 Hải Thượng Lãn Ông, Khóm 6, P. 6, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

- Nhà cung cấp chịu trách nhiệm đóng gói, vận chuyển, bảo quản hàng hoá, đảm bảo giao hàng đúng địa điểm nêu trên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu giao hàng của chủ đầu tư.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hoá đơn, chứng từ.

5. Các thông tin khác (nếu có): *thư*

CHỦ ĐẦU TƯ

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VTTBYT.



Bùi Đức Văn

DANH MỤC TRANG THIẾT BỊ Y TẾ, VẬT TƯ Y TẾ YÊU CẦU BÁO GIÁ

(Kèm theo thông báo chào giá số: **69** /TB-VTTYT ngày 14/12/2023)

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	VTTH-01	Hóa chất nhuộm tế bào Hematoxylin	Hematoxylin 7211 là một sản phẩm có công thức độc đáo cho kết quả trội hơn cả Gill hoặc Harris Haematoxylins Không có ái lực đối với nhuộm axit mucopolysaccharide (mucin) Các lam rõ nét với sự phân định rõ ràng, nhận được xác định rõ Chai $\geq 470\text{ml}$	Chai	18
2	VTTH-02	Hóa chất nhuộm tế bào OG6	Chất nhuộm tế bào Cyto-Stain cung cấp đầy đủ các màu sắc tế bào chất quen thuộc và cho phép người dùng kiểm soát cường độ nhuộm Cyto-Stain G là một sửa đổi để tạo ra màu xanh lục lam trong tế bào trung gian và đáy Sử dụng cho tất cả các quy trình nhuộm phụ khoa và không phụ khoa Chai $\geq 470\text{ml}$	Chai	12
3	VTTH-03	Hóa chất nhuộm tế bào EA 50	EA cung cấp khả năng nhuộm tế bào chất rực rỡ cho các mẫu phụ khoa và không phụ khoa EA-50 được sử dụng kết hợp với OG-6 cho nhuộm phụ khoa Chai $\geq 470\text{ml}$	Chai	12
4	VTTH-04	Hóa chất nhuộm tế bào Eosin Y	Eosin-Y phản ứng nhanh, có cồn, cung cấp sự phân định tuyệt vời với các thành phần tế bào chất Sự tương phản rõ nét màu sắc giữa hạt nhân và tế bào chất Hình thái khác nhau của cơ đỏ và hồng, các tế bào hồng cầu và mô liên kết Chai $\geq 470\text{ml}$	Chai	18
5	VTTH-05	Parafin tinh khiết	Sáp công thức đặc biệt không chứa polyme nhưng vẫn đủ ổn định để sử dụng trong quá trình thẩm thấu và vùi mô Nhiệt độ tan chảy: $55-57^\circ\text{C}$	Kg	90
6	VTTH-06	Chất thay thế Xylen	Clear-Rite 3™ là một hỗn hợp độc đáo của các hydrocacbon béo isoparaffinic để xử lý mô và nhuộm mô • Tách béo tuyệt vời trong quá trình xử lý mô • Khử paraffin hoàn toàn và làm sạch trong quá trình nhuộm • Không tạo ra mẫu cứng hoặc giòn, ngay cả sau khi phơi nhiễm kéo dài • Sử dụng được trong tất cả các máy xử lý mô và nhuộm tự động • Không Benzene • Rất ít mùi Bình $\geq 3,8\text{lit}$	Bình	72

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
7	VTTH-07	Keo dán lam	Mounting Medium pha lẫn với tất cả các chất làm sạch bao gồm cả chất thay thế xylen. • Khô nhanh • Chất nền là Toluene • Quan sát rõ Chai $\geq 118\text{ml}$	Chai	12
8	VTTH-08	Dao cắt vi phẫu	- Làm bằng thép cao cấp với độ bền để cắt nhiều khối mà không bị mờ và xước - Crom để tăng khả năng chống gỉ - Phủ lớp PTFE tạo ra một lớp bên ngoài giúp giảm ma sát khi cắt - Góc cắt: 34° 0.254x8x80mm	Cái	600
9	VTTH-09	Khuôn đúc mẫu tiêu bản	- Cassette có nắp rời hoặc dính liền, nắp có bản lề khóa có thể đảo ngược lại. - Kích thước lỗ vuông nhỏ hoặc lỗ dạng khe - Sử dụng cho các mẫu sinh thiết hoặc mẫu thông thường. - Được thiết kế đạt hiệu suất tối đa từ in nhãn đến xử lý và lưu trữ - Lực đóng và mở nắp được cân chỉnh cẩn thận để đảm bảo sử dụng và an toàn cho mẫu trong suốt quá trình xử lý	Cái	9.000
10	VTTH-10	Lamelle 22x50mm/ Tấm phủ tiêu bản bằng thủy tinh	- Được làm bằng thủy tinh borosilicate không màu, có chất lượng truyền quan phổ cao, chỉ số khúc xạ thích ứng phù hợp với kính hiển vi - Kích thước: 22x50mm, Độ dày: 1 (0.13mm – 0,16mm)	Cái	12.000
11	VTTH-11	Băng dán chỉ thị cho máy nhiệt độ thấp	- Sử dụng để theo dõi qui trình tiệt trùng bằng H_2O_2 - Độ bám dính của băng dán tốt - Mực chỉ thị màu dễ đọc cho kết quả rõ ràng và chính xác. - Tuân thủ EN 285 và ISO 11140-1	Cuộn	39
12	VTTH-12	Hóa chất tiệt trùng dùng cho máy hấp nhiệt độ thấp sử dụng 15 lần	Thành phần hoạt chất: - 59% Hydrogen peroxide - Thành phần không hoạt hóa: 41% nước - Chất ổn định: <0.05% - Cốc - 15 chu kỳ dùng để hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp cho máy Steris	cốc	250
13	VTTH-13	Chỉ thị hóa học cho tiệt trùng nhiệt độ thấp	"- Kích thước gói hàng: 10 x 18 cm - Kích thước test chỉ báo: 2,5 x 10 cm - 250 test/hộp - Chuyển đổi màu chỉ thị từ đỏ sang vàng, cho biết rằng hydro peroxide đã thấm vào vật liệu đóng gói và đến các dụng cụ bên trong."	gói	364

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
14	VTTH-14	Túi ép loại 100mmx70m	- Túi ép dùng để sử dụng đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp - Túi hấp tiệt trùng 100mm x 70m. - Cấu tạo gồm hai lớp phim: + Lớp phim mờ đục có độ xốp: vật liệu xốp polyolefin dạng sợi + Lớp phim trong suốt: vật liệu nhựa tổng hợp cao cấp, cấu trúc mật độ thấp giữa các hạt polyethylene và hạt polyester. - Trọng lượng cơ bản: 59.5 g/m² - Rào cản vi sinh vật: 3.2 LRV - Độ thấm không khí: 600 mL/phút - Tốc độ truyền hơi ẩm: > 1500 g/m²/24 giờ - Độ dày: 155 µm	Cuộn	26
15	VTTH-15	Túi ép loại 150mm x 70m	- Túi ép dùng để sử dụng đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp - Túi hấp tiệt trùng 150mm x 70m. - Cấu tạo gồm hai lớp phim: + Lớp phim mờ đục có độ xốp: vật liệu xốp polyolefin dạng sợi + Lớp phim trong suốt: vật liệu nhựa tổng hợp cao cấp, cấu trúc mật độ thấp giữa các hạt polyethylene và hạt polyester. - Trọng lượng cơ bản: 59.5 g/m² - Rào cản vi sinh vật: 3.2 LRV - Độ thấm không khí: 600 mL/phút - Tốc độ truyền hơi ẩm: > 1500 g/m²/24 giờ - Độ dày: 155 µm	Cuộn	26
16	VTTH-16	Túi ép 200mx70m	- Túi ép dùng để sử dụng đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp - Túi hấp tiệt trùng 200mm x 70m. - Cấu tạo gồm hai lớp phim: + Lớp phim mờ đục có độ xốp: vật liệu xốp polyolefin dạng sợi + Lớp phim trong suốt: vật liệu nhựa tổng hợp cao cấp, cấu trúc mật độ thấp giữa các hạt polyethylene và hạt polyester. - Trọng lượng cơ bản: 59.5 g/m² - Rào cản vi sinh vật: 3.2 LRV - Độ thấm không khí: 600 mL/phút - Tốc độ truyền hơi ẩm: > 1500 g/m²/24 giờ - Độ dày: 155 µm	cuộn	26

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	VTTH-17	Túi ép loại 250mmx70m	- Túi ép dùng để sử dụng đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp - Túi hấp tiệt trùng 250mm x 70m. - Cấu tạo gồm hai lớp phim: + Lớp phim mờ đục có độ xốp: vật liệu xốp polyolefin dạng sợi + Lớp phim trong suốt: vật liệu nhựa tổng hợp cao cấp, cấu trúc mật độ thấp giữa các hạt polyethylene và hạt polyester. - Trọng lượng cơ bản: 59.5 g/m2 - Rào cản vi sinh vật: 3.2 LRV - Độ thấm không khí: 600 mL/phút - Tốc độ truyền hơi ẩm: > 1500 g/m2/24 giờ - Độ dày: 155 µm	cuộn	26
18	VTTH-18	Túi ép loại 300mmx70m	- Túi ép dùng để sử dụng đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp - Túi hấp tiệt trùng 300mm x 70m. - Cấu tạo gồm hai lớp phim: + Lớp phim mờ đục có độ xốp: vật liệu xốp polyolefin dạng sợi + Lớp phim trong suốt: vật liệu nhựa tổng hợp cao cấp, cấu trúc mật độ thấp giữa các hạt polyethylene và hạt polyester. - Trọng lượng cơ bản: 59.5 g/m2 - Rào cản vi sinh vật: 3.2 LRV - Độ thấm không khí: 600 mL/phút - Tốc độ truyền hơi ẩm: > 1500 g/m2/24 giờ - Độ dày: 155 µm	cuộn	26
19	VTTH-19	Mực in	- in chu trình hoạt động của máy hấp nhiệt độ thấp - Hộp máy in mực màu tím.	Kíp	36
20	VTTH-20	Giấy in	- in chu trình hoạt động của máy hấp nhiệt độ thấp - Giấy in có một lớp màu trắng.	cuộn	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
21	VTTH-21	Túi ép loại 75mmx70m	- Túi ép dùng để sử dụng đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp - Túi hấp tiệt trùng 75mm x 70m. - Cấu tạo gồm hai lớp phim: + Lớp phim mờ đục có độ xốp: vật liệu xốp polyolefin dạng sợi + Lớp phim trong suốt: vật liệu nhựa tổng hợp cao cấp, cấu trúc mật độ thấp giữa các hạt polyethylene và hạt polyester. - Trọng lượng cơ bản: 59.5 g/m² - Rào cản vi sinh vật: 3.2 LRV - Độ thấm không khí: 600 mL/phút - Tốc độ truyền hơi ẩm: > 1500 g/m²/24 giờ - Độ dày: 155 µm	cuộn	20
22	VTTH-22	Túi ép loại 350mmx70m	- Túi ép dùng để sử dụng đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp - Túi hấp tiệt trùng 350mm x 70m. - Cấu tạo gồm hai lớp phim: + Lớp phim mờ đục có độ xốp: vật liệu xốp polyolefin dạng sợi + Lớp phim trong suốt: vật liệu nhựa tổng hợp cao cấp, cấu trúc mật độ thấp giữa các hạt polyethylene và hạt polyester. - Trọng lượng cơ bản: 59.5 g/m² - Rào cản vi sinh vật: 3.2 LRV - Độ thấm không khí: 600 mL/phút - Tốc độ truyền hơi ẩm: > 1500 g/m²/24 giờ - Độ dày: 155 µm	cuộn	20
23	VTTH-23	Túi ép loại 400mmx70m	- Túi ép dùng để sử dụng đóng gói dụng cụ cho máy hấp tiệt trùng nhiệt độ thấp - Túi hấp tiệt trùng 400mm x 70m. - Cấu tạo gồm hai lớp phim: + Lớp phim mờ đục có độ xốp: vật liệu xốp polyolefin dạng sợi + Lớp phim trong suốt: vật liệu nhựa tổng hợp cao cấp, cấu trúc mật độ thấp giữa các hạt polyethylene và hạt polyester. - Trọng lượng cơ bản: 59.5 g/m² - Rào cản vi sinh vật: 3.2 LRV - Độ thấm không khí: 600 mL/phút - Tốc độ truyền hơi ẩm: > 1500 g/m²/24 giờ - Độ dày: 155 µm	cuộn	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24	VTTH-24	Chất bôi trơn và bảo dưỡng dụng cụ	Khả năng bôi trơn, chống gỉ sét và bảo dưỡng dụng cụ. Giúp kéo dài tuổi thọ dụng cụ và giữ cho dụng cụ hoạt động trơn tru. -Công thức dựa trên Nonsilicone: Không cản trở quá trình khử trùng bằng hơi nước hoặc EO -pH trung tính: An toàn khi sử dụng đối với thép không gỉ và nhôm. -Chứa chất bảo quản đảm bảo sản phẩm cô đặc hạn chế sự phát triển của vi sinh vật. Tính chất: - Dimethylol - 5,5- dimethylhydantoin : 1 - 3% - Ethoxylated oleyl alcohol : 1 - 5 % -Dạng:Lỏng -Loại:chất bôi trơn dụng cụ -Màu:Trắng đục -Mùi:Mùi oleic nhẹ -PH điển hình (Đậm đặc):7.8 -Trọng lượng điển hình:0.989 -Không chứa phốt phát Can ≥ 5 lít	Can	5
25	VTTH-25	Trocar nội soi không dao cắt cỡ nhỏ	- Chất liệu: nhựa - Kích thước: 5mm, chiều dài tiêu chuẩn 100mm. - Đặc tính kỹ thuật: Trocar nội soi không dao, 5mm, nòng ngoài có rãnh cố định, chiều dài tiêu chuẩn 100mm. - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	20
26	VTTH-26	Trocar nội soi không dao cắt cỡ trung bình	- Chất liệu: nhựa - Kích thước: 12 mm, chiều dài tiêu chuẩn 100mm. - Đặc tính kỹ thuật: Trocar nội soi không dao, 12 mm, nòng ngoài có rãnh cố định, chiều dài tiêu chuẩn 100mm. - Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	30
27	VTTH-27	Băng ghim mổ hở 60mm	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài 60mm - Đặc tính kỹ thuật: Băng ghim cắt khâu nối thẳng mổ mở công nghệ Tri-Stapler, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài 60mm. - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
28	VTTH-28	Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài 60mm. - Đặc tính kỹ thuật: Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mổ mở công nghệ Tri-Stapler, ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều dài 60mm. - Tiêu chuẩn: Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	10
29	VTTH-29	Băng đạn nội soi nghiêng, dài 45mm	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: dài 45mm, chiều cao ghim 3.0mm- 3.5mm- 4.0mm- Thiết kế thanh chữ i - Đặc tính kỹ thuật: Băng ghim nội soi nghiêng, dài 45mm, ghim 3.5mm, công nghệ Tri-Staple- - Tiêu chuẩn:ISO, CE, FDA, CFG	Cái	30
30	VTTH-30	Băng đạn nội soi nghiêng, dài 60mm	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: dài 60mm, chiều cao ghim 3.0mm- 3.5mm- 4.0mm- thiết kế thanh chữ i - Đặc tính kỹ thuật: Băng ghim nội soi nghiêng, dài 60mm, ghim 3.5mm, công nghệ Tri-Staple - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	50
31	VTTH-31	Dụng cụ khâu cắt nối nội soi đa năng	- Dụng cụ khâu cắt nối nội soi các cỡ: - Kích thước: gấp góc 45 độ với 5 điểm gấp góc mỗi bên và một điểm ở giữa. Trục dài 16cm - Đặc tính kỹ thuật: Dụng cụ cắt khâu nối nội soi tự động các loại, các cỡ, CÔNG NGHỆ TRI-STAPLER - Tiêu chuẩn:ISO, CE, CFG	Cái	10
32	VTTH-32	Dụng cụ cắt khâu nối tròn 28MT	- Dụng cụ khâu cắt nối tròn khâu ống tiêu hóa : - Công nghệ Tri-Staple 3 hàng ghim dập với chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều cao ghim đóng từ 1.2mm-1.75mm, đường kính ngoài 28mm, đường kính dao cắt 19.5mm, 39 ghim, băng ghim màu tím. Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	25
33	VTTH-33	Dụng cụ cắt khâu nối tròn 31MT	- Dụng cụ khâu cắt nối tròn khâu ống tiêu hóa : - Công nghệ Tri-Staple 3 hàng ghim dập với chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài là: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm, chiều cao ghim đóng từ 1.2mm-1.75mm, đường kính ngoài 31mm, đường kính dao cắt 22.5mm, 45 ghim, băng ghim màu tím. Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	25
34	VTTH-34	Dụng cụ khâu cắt trĩ nối vòng	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: Longo - 33mm , đường kính lòng cắt 24.6mm, 32ghim dập, chiều cao kim đóng từ 1,5mm-2mm - Đặc tính kỹ thuật: Dụng cụ khâu cắt nối vòng theo PP Longo - 33mm , đường kính lòng cắt 24.6mm, 32ghim dập, chiều cao kim đóng từ 1,5mm- 2mm dùng trong PP longo Haemorrhoid 3.5mm- 4.8mm, thanh đe tháo rời, Công Nghệ DST - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	80

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
35	VTTH-35	Dụng cụ cố định tấm lưới dùng trong phẫu thuật thoát vị.	Dụng cụ cố định tấm lưới dùng trong phẫu thuật thoát vị. 30 ghim bằng Titanium	Cái	20
36	VTTH-36	Băng ghim cắt khâu nối mỡ mỡ, dài 80mm, loại ghim	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: chiều cao ghim từ trong ra ngoài 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, chiều dài thân dụng cụ 80mm. - Đặc tính kỹ thuật: Băng ghim cắt khâu nối thẳng mỡ mỡ, công nghệ ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, chiều dài thân dụng cụ 80mm. - Tiêu chuẩn: ISO, CE, FDA, CFG	Cái	20
37	VTTH-37	Băng ghim cắt khâu nối mỡ mỡ, dài 80mm.	- Chất liệu: ghim titanium - Kích thước: chiều cao ghim từ trong ra ngoài 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, chiều dài thân dụng cụ 80mm. - Đặc tính kỹ thuật: Băng ghim cắt khâu nối thẳng mỡ mỡ, công nghệ ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều cao ghim từ trong ra ngoài 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, chiều dài thân dụng cụ 80mm. - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	50
38	VTTH-38	Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mỡ mỡ	- Chất liệu:ghim titanium - Kích thước: chiều dài thân dụng cụ 80-3.5mm - Đặc tính kỹ thuật: Dụng cụ cắt khâu nối thẳng mỡ mỡ, công nghệ ba hàng ghim chiều cao khác nhau, chiều dài thân dụng cụ 80-3.5mm - Tiêu chuẩn: ISO, CE, CFG	Cái	10
39	VTTH-39	Lưới phẳng điều trị thoát vị	Mảnh ghép thoát vị nhẹ, đơn sợi, dệt 3D, co giãn đa chiều, chất liệu polyester. Trọng lượng 64g/m ² , lỗ lưới 2,1x3,0 mm. Dùng trong sửa chữa thoát vị bẹn, kích thước 15cm x 10cm	Miếng	120
40	VTTH-40	Lưới tự dính mỡ mỡ điều trị thoát vị bẹn trái	Mảnh ghép thoát vị đơn sợi, chất liệu Polyester thân nước dùng trong mỡ mỡ thoát vị bẹn bên trái, có các gai tự dính chất liệu Polylactic Acid. Lưới có hình dạng oval, có miếng lật sẵn tạo thuận lợi trong phẫu thuật, kích thước lỗ lưới 1.1mm - 1.7mm. Trọng lượng trước khi tiêu gai dính 73g/m ² , sau khi tiêu hết gai dính 38g/m ² . Kích thước miếng lưới 12 x 8cm	Miếng	60
41	VTTH-41	Lưới tự dính mỡ mỡ điều trị thoát vị bẹn phải	Mảnh ghép thoát vị đơn sợi, chất liệu Polyester thân nước dùng trong mỡ mỡ thoát vị bẹn bên phải, có các gai tự dính chất liệu Polylactic Acid. Lưới có hình dạng oval, có miếng lật sẵn tạo thuận lợi trong phẫu thuật, kích thước lỗ lưới 1.1mm - 1.7mm. Trọng lượng trước khi tiêu gai dính 73g/m ² , sau khi tiêu hết gai dính 38g/m ² . Kích thước miếng lưới 12 x 8cm	Miếng	60

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
42	VTTH-42	Tuốc nơ vít	Thân tuốc nơ vít dùng để vặn vít đường kính 1.5/ 2.0/ 2.4mm, kết nối vít và đầu vặn vít, cố định vít vào nẹp và vùng xương gãy. - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: - Đầu vặn vít loại 1.5mm: dài 72mm. - Đầu vặn vít loại 2.0mm: dài 89.7mm, 117mm. - Đầu vặn vít loại 2.4mm: dài 89.7mm, 117mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	3
43	VTTH-43	Mũi khoan Maxi ngắn	Mũi khoan vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Đường kính: 2.0mm - Chiều dài mũi khoan: 72mm - Chiều dài làm việc 25mm - Tương thích vít lớn đường kính 2.4mm.	Cái	15
44	VTTH-44	Mũi khoan Maxi dài	Mũi khoan vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: 2.0mm - Chiều dài mũi khoan: 110mm - Chiều dài làm việc 25mm - Tương thích vít lớn đường kính 2.4mm.	Cái	8
45	VTTH-45	Mũi khoan vùng hàm	Mũi khoan vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu thép không gỉ - Đường kính: 1.1mm - Chiều dài mũi khoan: 58mm, chiều dài làm việc 12mm. - Chiều dài mũi khoan: 65mm, chiều dài làm việc 15mm. - Tương thích vít lớn đường kính 1.5mm.	Cái	6
46	VTTH-46	Mũi khoan Mini ngắn cho vít 2.0 ĐK 1.6mm	Mũi khoan phẫu thuật vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong cố định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: + Đường kính 1.6mm + Chiều dài mũi khoan: 72mm + Chiều dài làm việc: 22mm - Tương thích vít đường kính 2.0mm	Cái	40

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
47	VTTH-47	Mũi khoan Mini dài cho vít 2.0 ĐK 1.6mm	Mũi khoan phẫu thuật vùng hàm mặt dùng để khoan lỗ đặt vít trong ổ định xương gãy vùng hàm mặt - Chất liệu: thép không gỉ - Kích thước: + Đường kính 1.6mm + Chiều dài mũi khoan: 110mm + Chiều dài làm việc: 22mm - Tương thích vít đường kính 2.0mm	Cái	10
48	VTTH-48	Nẹp mặt chữ L trái/ phải 4 lỗ, bậc cầu ngăn cho vít 2.0mm	Nẹp cố định vùng hàm mặt, hình chữ L dạng phẳng, 4 lỗ 1. Chất liệu: Titanium Grade 3, tiêu chuẩn ASTM-F67 2. Kích thước: - Dày 1.0mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. - Đường kính lỗ nẹp 2.4mm 3. Cấu tạo: hình chữ L góc 90°, 100°, 110°, dạng phẳng, 4 lỗ, nẹp dùng được 2 mặt trái, phải - Tương thích với vít 2.0mm, vít khấn cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít	Cái	20
49	VTTH-49	Nẹp chữ X 4 lỗ	Nẹp cố định vùng hàm mặt, hình chữ X, dạng gấp, 4 lỗ - Chất liệu: titanium Grade 3, tiêu chuẩn ASTM-F67 - Kích cỡ: dày 0.6mm, rộng 11.2mm, dài 15.3mm - Dạng gấp bậc thang, độ dày bậc thang nhiều kích cỡ 2, 4, 6, 8, 10, 12mm - Cấu tạo: hình chữ X, 4 lỗ - Tương thích hệ thống vít 2.0mm, vít khấn cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO/CE (Tiêu chuẩn Châu Âu)	Cái	5
50	VTTH-50	Nẹp tái tạo maxi thẳng 23 lỗ	Nẹp tái tạo, giữ khoảng xương hàm dưới. - Chất liệu: Titanium Grade 3, tiêu chuẩn ASTM-F67 - Nẹp thẳng 23 lỗ, khoảng cách 2 lỗ 8mm, nẹp dài 184mm, đoạn kết nối 2 lỗ nẹp rộng 5mm. - Nẹp dày 2.0, 2.6mm - Mặt sau có rãnh cắt giúp uốn dễ dàng và không bị biến dạng lỗ - Mặt sau lõm giúp tiếp xúc tốt với xương và lưu thông máu - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC - Tương thích với vít 2.4mm, vít khấn cấp 2.7mm trong trường hợp lỏng vít.	Cái	5

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
51	VTTH-51	Nẹp tái tạo maxi thẳng 28 lỗ	Nẹp tái tạo, giữ khoảng xương hàm dưới. . Chất liệu: Titanium Grade 3, tiêu chuẩn ASTM-F67 . Nẹp thẳng 28 lỗ, khoảng cách 2 lỗ 8mm, nẹp dài 224mm, đoạn kết nối 2 lỗ nẹp rộng 5mm. . Nẹp dày 2.0, 2.6mm . Mặt sau có rãnh cắt giúp uốn dễ dàng và không bị biến dạng lỗ . Mặt sau lõm giúp tiếp xúc tốt với xương và lưu thông máu . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC . Tương thích với vít 2.4mm, vít khấn cấp 2.7mm trong trường hợp lỏng vít.	Cái	5
52	VTTH-52	Nẹp Maxi thẳng 4 lỗ dày 1.5mm	Nẹp thẳng kết hợp xương hàm dưới . Chất liệu: Titanium Grade 3, tiêu chuẩn ASTM-F67 . Nẹp 4 lỗ bắc cầu, dài 27.6mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. . Nẹp rộng 6mm, nẹp dày 1.5mm . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC . Tương thích với vít 2.4mm, vít khấn cấp 2.7mm trong trường hợp lỏng vít	Cái	5
53	VTTH-53	Nẹp Mid thẳng 12 lỗ	Nẹp thẳng kết hợp xương . Chất liệu: Titanium Grade 3, tiêu chuẩn ASTM F67 . Kích thước: + Nẹp thẳng 12 lỗ, khoảng cách 2 lỗ 4.5mm. + Nẹp dày 0.7mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC - Tương thích với vít 1.5mm, vít khấn cấp 1.8mm trong trường hợp lỏng vít.	Cái	30
54	VTTH-54	Nẹp Mini thẳng 20 lỗ	Nẹp thẳng kết hợp xương . Chất liệu: Titanium Grade 3; tiêu chuẩn ASTM-F67 . Kích thước: + Nẹp thẳng 20 lỗ, dài 109mm, khoảng cách 2 lỗ 5.5mm. + Nẹp rộng 4.5mm, đoạn kết nối 2 lỗ rộng 2.0mm + Nẹp dày 1.0mm + Đường kính lỗ nẹp 2.4mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC - Tương thích với vít 2.0mm, vít khấn cấp 2.3mm trong trường hợp lỏng vít.	Cái	150

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
55	VTTH-55	Nẹp giữ chỗ XHD 27 lỗ	Nẹp tái tạo, giữ khoảng xương hàm dưới. . Chất liệu: Titanium Grade 3, tiêu chuẩn ASTM-F67 . Nẹp chữ U toàn hàm, 27 lỗ (5 + 17 + 5 lỗ), khoảng cách 2 lỗ 8mm, nẹp dày 2.0, 2.6mm. . Nẹp chữ L có kích thước: rộng 39.9mm, dài 187.3mm . Mặt sau có rãnh cắt giúp uốn dễ dàng và không bị biến dạng lỗ . Mặt sau lõm giúp tiếp xúc tốt với xương và lưu thông máu . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC . Tương thích với vít 2.4mm, vít khấn cấp 2.7mm trong trường hợp lỏng vít	Cái	5
56	VTTH-56	Cán tuốc nơ vít	Tương thích với từng loại cán tua vít 1.5/ 2.0/ 2.4mm	Cái	4
57	VTTH-57	Vít xương Maxi dk 2.4 màu vàng loại 10 mmm	Vít cố định nẹp, lưới và sọ, loại khoan trước. . Chất liệu: Titanium 6Al4V ELI, tiêu chuẩn ASTM F136. . Vít có đường kính 2.4mm, đường kính lõi 1.6mm, đường kính đầu 4.0mm, bước ren 1.0mm, dài 10mm. . Đầu vít tạo mặt phẳng với nẹp sau khi bắt . Mũi vít tạo góc nhọn 60 độ, giúp dễ bắt. . Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. . Tương thích với nẹp, lưới. Vít khấn cấp có đường kính 2.7mm, dài 6, 8, 10, 12mm, sử dụng trong trường hợp lỏng vít. . Tương thích với mũi khoan môi đường kính 2.0mm	Cái	200
58	VTTH-58	Vít xương Maxi dk 2.4 màu vàng loại 20mm	Vít cố định nẹp, lưới và sọ, loại khoan trước. . Chất liệu: Titanium 6Al4V ELI, tiêu chuẩn ASTM F136. . Vít có đường kính 2.4mm, đường kính lõi 1.6mm, đường kính đầu 4.0mm, bước ren 1.0mm, dài 20mm. . Đầu vít tạo mặt phẳng với nẹp sau khi bắt . Mũi vít tạo góc nhọn 60 độ, giúp dễ bắt. . Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. . Tương thích với nẹp, lưới. Vít khấn cấp có đường kính 2.7mm, dài 6, 8, 10, 12mm, sử dụng trong trường hợp lỏng vít. . Tương thích với mũi khoan môi đường kính 2.0mm	Cái	100

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
59	VTTH-59	Vít xương Mid dk 1.5*6mm loại 6mm	- Vít cố định nẹp, lưới và sọ, loại tự khoan, tự taro - Chất liệu: Titanium 6Al4V ELI, tiêu chuẩn ASTM F136. - Vít có đường kính 1.5mm, đường kính lõi 1.0mm, đường kính đầu 2.5mm, bước ren 0.7mm. Dài 06mm. - Đầu vít tạo mặt phẳng với nẹp, lưới sau khi bắt - Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương - Bề mặt vít được xử lý Anodizing xanh lam - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Tương thích với mũi khoan đường kính 1.1mm. - Vít khẩn cấp có đường kính 1.8mm, dài 6, 8, 10mm.	Cái	200
60	VTTH-60	Vít xương Mid dk 1.5*8mm loại 8mm	- Vít cố định nẹp, lưới và sọ, loại tự khoan, tự taro - Chất liệu: Titanium 6Al4V ELI, tiêu chuẩn ASTM F136. - Vít có đường kính 1.5mm, đường kính lõi 1.0mm, đường kính đầu 2.5mm, bước ren 0.7mm. Dài 8mm. - Đầu vít tạo mặt phẳng với nẹp, lưới sau khi bắt - Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương - Bề mặt vít được xử lý Anodizing xanh lam - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Tương thích với mũi khoan đường kính 1.1mm - Vít khẩn cấp có đường kính 1.8mm, dài 6, 8, 10mm.	Cái	200
61	VTTH-61	Vít mini 10mm	- Vít cố định nẹp, lưới và sọ. - Chất liệu: Titanium 6Al4V ELI, tiêu chuẩn ASTM F136. - Vít có đường kính 2.0mm, đường kính lõi 1.25mm, đường kính đầu 3.1mm, bước ren 0.8mm, chiều dài 10mm. - Mũi vít tạo góc nhọn 60 độ, giúp dễ bắt. - Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Tương thích với nẹp, lưới. Vít khẩn cấp có đường kính 2.3mm, dài 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16mm, sử dụng trong trường hợp lỏng vít. - Tương thích với mũi khoan mỗi đường kính 1.6mm.	Cái	500

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
62	VTTH-62	Vít mini 12mm	Vít cổ định nẹp, lưới và sọ. . Chất liệu: Titanium 6Al4V ELI, tiêu chuẩn ASTM F136. . Vít có đường kính 2.0mm, đường kính lõi 1.25mm, đường kính đầu 3.1mm, bước ren 0.8mm, chiều dài 12mm. . Mũi vít tạo góc nhọn 60 độ, giúp dễ bắt. . Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. . Tương thích với nẹp, lưới. Vít khẩn cấp có đường kính 2.3mm, dài 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16mm, sử dụng trong trường hợp lỏng vít. . Tương thích với mũi khoan mỗi đường kính 1.6mm.	Cái	400
63	VTTH-63	Vít mini 6mm	Vít cổ định nẹp, lưới và sọ. . Chất liệu: Titanium 6Al4V ELI, tiêu chuẩn ASTM F136. . Vít có đường kính 2.0mm, đường kính lõi 1.25mm, đường kính đầu 3.1mm, bước ren 0.8mm, chiều dài 06mm. . Mũi vít tạo góc nhọn 60 độ, giúp dễ bắt. . Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. . Tương thích với nẹp, lưới. Vít khẩn cấp có đường kính 2.3mm, dài 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16mm, sử dụng trong trường hợp lỏng vít. . Tương thích với mũi khoan mỗi đường kính 1.6mm.	Cái	300
64	VTTH-64	Vít mini 8mm	Vít cổ định nẹp, lưới và sọ. . Chất liệu: Titanium 6Al4V ELI, tiêu chuẩn ASTM F136. . Vít có đường kính 2.0mm, đường kính lõi 1.25mm, đường kính đầu 3.1mm, bước ren 0.8mm, chiều dài 08mm. . Mũi vít tạo góc nhọn 60 độ, giúp dễ bắt. . Vít có ren lên đến cổ giảm thiểu tổn thương cho xương . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. . Tương thích với nẹp, lưới. Vít khẩn cấp có đường kính 2.3mm, dài 5, 6, 8, 10, 12, 14, 16mm, sử dụng trong trường hợp lỏng vít. . Tương thích với mũi khoan mỗi đường kính 1.6mm.	Cái	500

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
65	VTTH-65	Bộ khăn chụp can thiệp mạch vành (loại full)	Làm bằng vải không dệt cao cấp 6 lớp SSMMMS 50gsm không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, có vùng thấm hút với chất liệu vải thấm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, EN 13795-1: 2019. Bộ khăn gồm: 1 x Khăn trải bàn dụng cụ gia cố lớp chống thấm 200x 240 cm; 1 x Khăn chụp mạch vành 240x390 cm được cấu tạo từ vải không dệt không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện. Hai bên khăn được thiết kế bằng chất liệu trong suốt giúp nhìn được các máy điều khiển, tại vùng phẫu trường có vùng thấm hút đặc biệt 130gsm, có phần màng phẫu thuật, lỗ dài kích thước 13cm, lỗ trên màng phẫu thuật 7cm; 6 x Khăn thấm 30 x 40 cm; 3 x Khẩu trang đạt NIOSH CFR 42 84.180 & 181; 1 x Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm; 1 x Khăn phủ bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm; 1 x Tấm phủ chắn chì 150x180 cm; 1 x Bao kính chắn chì 120x100cm có màng thun. 1 x Bao đựng remote 10x26cm; 1 x Khăn lót 50x60cm; 1 x Que thấm betadine 19cm. 1 Khay nhựa 35cmx27cmx7cm; 1 x Bơm tiêm luer lock 10ml; 1 x Bơm tiêm 10ml; 1 x Chén nhựa xanh 1000ml; 1 x Chén nhựa 100ml. 1 x Chén nhựa 50ml. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, EN 13795-1: 2019	Bộ	1.400
66	VTTH-66	Áo phẫu thuật	Làm bằng vải không dệt cao cấp 6 lớp SSMMMS 50gsm không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện, kích thước 160 (w) x 135 (h) cm. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, EN 13795-1: 2019 Các đường nối và chấm dây được may bằng máy ép cao tần. Mỗi áo gồm 2 khăn thấm 30x40cm, vải spunlace có độ thấm tốt, mềm mại.	Cái	3.500
67	VTTH-67	Bộ khăn chụp mạch não	Làm bằng vải không dệt cao cấp 6 lớp SSMMMS 50gsm không thấm nước, không thấm cồn, chống tĩnh điện. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, EN 13795-1: 2019. Bộ khăn chụp mạch não gồm: 1x Khăn trải bàn dụng cụ 200 x 260cm: lớp plastic màu và lớp vải không dệt 3 lớp; 1 x Khăn chụp mạch vành 3 lỗ 240 x 390cm với lỗ dài kích thước 13cm, lỗ tay kích thước 8cm; 1x Bao kính chắn chì 120x100cm có màng thun; 3 x Khẩu trang đạt NIOSH CFR 42 84.180 & 181; 1x Tấm phủ chắn chì 150x180 cm; 1 x Bao chụp đầu đèn đường kính 60cm; 10 x Khăn thấm 30x40cm; 1 x Khăn lót 50x60cm; 2 x Que thấm betadine 19cm; 1 x Bơm tiêm luer lock 10ml; 2 x Bơm tiêm 10ml; 10 x Gạc cotton 12 lớp 10cm x10cm; 1 x Kim 23G; 1 x Chén nhựa xanh 1000 ml; 2 x Chén nhựa 100ml; 1 x Chén nhựa 50 ml; 1 x Khay nhựa 35cmx27cmx7cm; 2 x Áo phẫu thuật size L; *Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, CE, EN 13795-1: 2019. Tiệt trùng EO.	Bộ	300
68	VTTH-68	Nẹp khóa Titanium chữ S thân xương đòn 5 - 10 lỗ trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 2.7mm - 3.5mm và vít xương cứng 3.5 mm, vít xoắn 4.0mm + Rộng 10mm, dày 3mm + Thân nẹp có từ 4-12 lỗ dài 49/60/72/84/96/107/118/129/140 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
69	VTTH-69	Nẹp khóa Titanium đầu ngoài xương đòn có móc 3 - 10 lỗ trái/phải.	Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 2.7 mm - 3.5mm và vít xương cứng 3.5m, hoặc vít xóp 4.0mm + Rộng 10mm, dày 3.4mm + Thân nẹp có từ 3-10 lỗ dài 54/67/80/93/106/119/132/145mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	30
70	VTTH-70	Nẹp khóa Titanium đầu trên xương cánh tay 3 - 10 lỗ.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3.5mm và vít xương cứng 3.5, vít xóp 4.0mm + Rộng 12mm, dày 4mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ dài 105/122/139/156/173/190/207/224/241/258/275mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	20
71	VTTH-71	Nẹp khóa Titanium xương cánh tay 4 - 20 lỗ (bản hẹp)	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5.0mm và vít xương cứng 4.5, vít xóp 5.0 mm + Rộng 14mm, Dày 4.5mm + Thân nẹp có từ 4-20 lỗ tương ứng với chiều dài 88/106/124/142/160/178/196/214/232/250/268/286/304/322/340 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	30
72	VTTH-72	Nẹp khóa Titanium đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài 3 - 7 lỗ trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3.5mm và vít nén ép 3.5, vít xóp 4.0mm + Rộng 12mm, Dày 3mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ tương ứng với chiều dài 74/85/98/111/124/137/150/163/176/189/202mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	20
73	VTTH-73	Nẹp khóa Titanium đầu dưới xương cánh tay mặt trong 3 - 7 lỗ trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm, vít xóp 4.0mm + Rộng 11mm, dày 3mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ dài 70/82/95/108/121/134/147/160/173/186/199 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
74	VTTH-74	Nẹp khóa Titanium đầu trên xương quay 2 - 4 lỗ trái	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 2.5mm và vít nén ép 2.5mm. + Rộng 9mm, Dày 1.9mm + Thân nẹp có từ 2-6 lỗ tương ứng với chiều dài 33/42/51/60/69 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	10
75	VTTH-75	Nẹp khóa Titanium đầu trên xương quay 2 - 4 lỗ phải	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 2.5mm và vít nén ép 2.5mm. + Rộng 9mm, Dày 1.9mm + Thân nẹp có từ 2-6 lỗ tương ứng với chiều dài 33/42/51/60/69 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	10
76	VTTH-76	Nẹp khóa Titanium xương cẳng tay các cỡ.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3.5mm và vít xương cứng 3.5mm, vít xỏ 4.0 mm + Rộng 12mm, Dày 3.2mm + Thân nẹp có từ 4-14 lỗ tương ứng với chiều dài 62/74/87/99/112/124/137/149/162/174/187 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	40
77	VTTH-77	Nẹp khóa Titanium mắc xích các cỡ.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3.5mm và vít nén ép 3.5mm. + Rộng 10mm, Dày 3mm + Thân nẹp có từ 4-20 lỗ tương ứng với chiều dài 48/60/72/84/96/108/120/132/144/156/168/180/192/204/216/228/240mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	25
78	VTTH-78	Nẹp khóa đa hướng Titanium đầu dưới xương quay 2-9 lỗ trái /phải	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá đa hướng 2.5mm và vít nén ép 2.5mm. + Rộng 8.5mm, Dày 2mm + Thân nẹp có từ 2-9 lỗ tương ứng với chiều dài 51/59/67/75/83/91/99/107mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	30

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
79	VTTH-79	Nẹp khóa Titanium đầu trên xương đùi 3 - 10 lỗ, trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm, vít xóp khoá 5.0mm. + Rộng 17.5mm, Dày 5.5mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ tương ứng với chiều dài 120/138/156/174/192/210/228/246/264/282/300mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	10
80	VTTH-80	Nẹp khóa Titanium xương đùi 6 - 12 lỗ.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5.0mm, lỗ nén ép dùng vít xương cứng 4.5mm. + Rộng 18mm, Dày 5.5mm + Thân nẹp có từ 5-20 lỗ dài 105/123/141/159/177/195/213/231/249/267/285/303/339/375 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	20
81	VTTH-81	Nẹp khóa Titanium đầu dưới xương đùi 5 - 13lỗ, trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5.0mm và vít nén ép 4.5mm, vít xóp khoá 5.0mm. + Rộng 16mm, Dày 5.5mm + Thân nẹp có từ 5-13 lỗ tương ứng với chiều dài 160/178/196/214/232/250/268/286/304 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE + Nước sản xuất: G7	Cái	20
82	VTTH-82	Nẹp khóa Titanium nâng đỡ mâm chày 3 -8 lỗ, trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5.0mm và vít nén ép 4.5mm, vít xóp khoá 5.0mm.L30 + Rộng 15.5mm, Dày 3mm + Thân nẹp có từ 3-8 lỗ tương ứng với chiều dài 89/105/121/137/153/169 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	25
83	VTTH-83	Nẹp khóa Titanium đầu trên xương chày 3 -13 lỗ, trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5.0mm và vít nén ép 4.5mm, vít xóp khoá 5.0mm. + Rộng 15mm, Dày 4.5mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ tương ứng với chiều dài 112/131/150/169/188/207/226/245/264/302mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	40

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
84	VTTH-84	Nẹp khóa Titanium nâng đỡ mâm chày 3 -8 lỗ, trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5.0mm và vít xương cứng 4.5mm, vít xóp khoá 5.0mm. + Hình chữ L + Rộng 16mm, Dày 3mm + Thân nẹp có từ 3-8 lỗ tương ứng với chiều dài 73/89/105/121/137/153mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	25
85	VTTH-85	Nẹp khóa Titanium xương cẳng chân 5 - 12 lỗ.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 5.0mm và vít xương cứng 4.5, vít xóp 5.0 mm + Rộng 14mm, Dày 4.5mm + Thân nẹp có từ 4-20 lỗ tương ứng với chiều dài 88/106/124/142/160/178/196/214/232/250/268/286/304/322/340 mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	25
86	VTTH-86	Nẹp khóa Titanium đầu dưới xương cẳng chân mặt trong 3 - 13 lỗ, trái/phải.	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3.5mm và vít nén ép 3.5mm, vít xóp 4.0mm. + Rộng 14mm, Dày 3.2mm + Thân nẹp có từ 3-13 lỗ tương ứng với chiều dài 113/129/145/161/177/193/209/225/241/257/273mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	40
87	VTTH-87	Đinh chốt nội tủy thể hệ mới	- Đinh chốt chóng xoay đầu trên xương đùi PFNA đinh rỗng thiết kế theo chiều cong sinh lý xương, có vis động cố định cổ xương đùi, vis chốt tĩnh / động cho đầu xa, có rãnh 2 bên thân đinh giúp đưa vào lòng tủy dễ dàng và phân tán lực tốt hơn. Đường kính : 9-11mm Độ cong: 5 độ Góc CCD : 125-130 độ Kích thước chiều dài : 170-240mm Chất liệu : Titanium - Vít khóa PFNA: chất liệu Titanium - đường kính 5 - chiều dài 20 mm - 120 mm - Vít khóa chống xoay đinh nội tủy: chất liệu Titanium, chiều dài 65 mm -120 mm - Vít nén đinh nội tủy PFNA: chất liệu Titanium, chiều dài 65mm - 120 mm - Vít đập nắp đinh nội tủy PFNA: chất liệu Titanium Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE + Nước sản xuất: G7	Cái	20

CH
MAU

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
88	VTTH-88	Vít khoá đa hướng Titanium 2.5mm	* Chất liệu Titanium * Tự ta rô (Self tapping), đầu vít hình lục giác * Đường kính ngoài 2.5mm, lõi vít 1.8mm. * Chiều dài: 6-40mm. + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	800
89	VTTH-89	Vít khóa đường kính 2.7 mm	* Chất liệu Titanium. * Tương thích với hệ thống nẹp khóa ART-USA. * Tự ta rô (Self tapping), đầu vít hình ngôi sao, lục giác. * Đường kính từ 2.7mm * Chiều dài: + Vít khóa 2.7 mm: dài 10-50 mm. + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	500
90	VTTH-90	Vít khóa đường kính 3.5 mm	* Chất liệu Titanium. * Tự ta rô (Self tapping), đầu vít hình lục giác * Đường kính: 3.5mm * Chiều dài: 10-70mm + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	3.150
91	VTTH-91	Vít khoá Titanium 5.0mm	* Chất liệu Titanium * Tự ta rô (Self tapping), đầu vít hình lục giác. * Đường kính ngoài 5.0mm, lõi vít 3.2mm * Chiều dài: 16-70mm. + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	2.300
92	VTTH-92	Vít xương cứng 2.5mm	* Chất liệu Titanium. * Tương thích với hệ thống nẹp khóa ART-USA. * Đường kính từ 2.5 mm, đầu vít hình lục giác, tự taro. * Chiều dài: + Vít xương cứng 2.5 mm: dài 6-40 mm. + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	200

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
93	VTTH-93	Vít xương cứng 2.7mm	* Chất liệu Titanium. * Tương thích với hệ thống nẹp khóa ART-USA. * Đường kính từ 2.7 mm, đầu vít hình lục giác, tự taro. * Chiều dài: + Vít xương cứng 2.7 mm: dài 10-50 mm. + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	70
94	VTTH-94	Vít xương cứng 3.5mm	* Chất liệu Titanium. * Tương thích với hệ thống nẹp khóa ART-USA. * Đường kính từ 3.5 mm, đầu vít hình lục giác, tự taro. * Chiều dài: + Vít xương cứng 3.5 mm: dài 10-90 mm. + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	620
95	VTTH-95	Vít xương cứng 4.5mm	* Chất liệu Titanium * Tự ta rô (Self tapping) hình lục giác. * Đường kính ngoài 4.5mm, lõi vít 3.2mm * Chiều dài: 24-70mm. + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	410
96	VTTH-96	Vít xương xỏ titanium 6.5mm	* Chất liệu Titanium * Ren trên thân vít: chiếm 1/2, toàn thân vít (tính từ đuôi vít) * Tự ta rô (Self tapping), đầu vít hình lục giác * Đường kính: 6.5 mm * Chiều dài: 30-120mm. + Tiêu chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	100
97	VTTH-97	Đinh xương chày	- Chất liệu Titanium, định dạng rộng. - Đinh xương chày, đường kính 9mm - 10 mm - 11 mm - 12 mm, chiều dài 280 - 400 mm. - Vít khóa định xương chày 4.5mm: chiều dài 20 mm - 100 mm - Vít khóa định xương chày 5.0 mm: chiều dài 25 mm - 100 mm - Vít nắp đậy: chiều dài 0 - 20 mm - Tiêu chuẩn ISO, CE + Nước sản xuất: G7	Bộ	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
98	VTTH-98	Đinh xương đùi	Chất liệu Titanium, đinh dạng rỗng. - Đinh xương đùi, đường kính 10 mm - 11.5mm - 13 mm, chiều dài 300 - 440mm. - Vít khóa đinh xương đùi: chiều dài 20 mm - 120 mm, đường kính 5 mm - Vít rỗng Lag: đường kính 6.5mm, chiều dài 65 mm - 120 mm - Vít nắp đầu: chiều dài 0-20mm Tiêu chuẩn ISO, CE + Nước sản xuất: G7	Bộ	30
99	VTTH-99	Nẹp khoá xương cánh tay 4-14 lỗ	+ Chất liệu: Titanium + Lỗ có ren khóa dùng với vít khoá 3.5 mm và vít nén ép 3.5, vít xóp 4.0 mm + Rộng 13mm, Dày 3.2 mm + Thân nẹp có từ 4-14 lỗ tương ứng với chiều dài 62/74.50/87/99.50/112/124.50/137/149.50/162/174.50/187mm + Tiêu Chuẩn : ISO, CE, FDA + Nước sản xuất: G7	Cái	20
100	VTTH-100	Vít cột sống da trực	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Công nghệ cánh ren ngược - Vít có đường kính: 4.0 đến 8.5mm, chiều dài từ 20 - 65mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 2.82mm - Chiều cao mũ vít 16.1mm - Chiều rộng phần mũ vít trượt trên thanh dọc 9.2mm - Chiều rộng phần mũ vít phần song song với thanh dọc 10.65mm - Chiều rộng phần mũ vít phần vuông góc với thanh dọc 11.4mm - Góc nghiêng tối đa giữa mũ vít và thân vít là 28 độ. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc - Đồng bộ với nẹp dọc đường kính 5.5mm và vít khóa trong tự gãy có chiều dài ban đầu là 13.13mm	Cái	50
101	VTTH-101	Nẹp dọc thẳng cột sống ngực lưng	- Nẹp dọc cứng đường kính 5,5mm: - Chất liệu: Hợp kim Titanium - Dài 500mm, trong đó 494mm hình trụ tròn và đầu 6mm hình lục lăng dùng để xoay nẹp. - Có 2 đường kẻ dọc để đánh dấu khi xoay	Cái	20
102	VTTH-102	Nẹp nối ngang cổ định cột sống	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Nẹp nối ngang tương thích với đường kính nẹp dọc 5.5mm - Chiều dài từ khoảng 10mm - 75mm (0.375 inch - 2.95 inch). - Kèm theo 02 ốc khóa trong để siết chặt vào thanh dọc đường kính 5.5mm. - Màu sắc: màu xanh da trời, ốc khóa trong màu vàng	Cái	5

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
103	VTTH-103	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống	- Vật liệu: PEEK - Đầu hình viên đạn, có răng. - Số điểm đánh dấu cân quang: 4 điểm - Chiều dài: 25, 30mm - Chiều cao: 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 và 15mm - Chiều rộng trước /sau : 10mm - Độ uốn: 6 độ - Diện tích bề mặt 133mm² với chiều dài 25mm, 156mm² với chiều dài 30mm - Khoảng ghép xương từ: 0.3 - 1.17 cc tùy kích thước. - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng. - Có 2 đầu gắn dụng cụ để đặt gắn thẳng 0 độ hoặc gắn nghiêng 15 độ - Cách nhận biết khi đặt đĩa đệm hoàn chỉnh là: Sau khi đặt vào đĩa đệm bệnh nhân sẽ cho hình ảnh X quang(Lateral hình chữ H, A/P là 3 đường thẳng song song)	Cái	20
104	VTTH-104	Ốc khóa trong cho vít cột sống ngược lưng	- Vật liệu: hợp kim Titanium - Tự gãy khi vận đủ lực. - Được thiết kế cánh ren ngược - Tổng chiều dài của vít khóa trong trước khi bẻ: 13.13mm - Khoảng cách giữa 2 bước ren 1.0 mm - Chiều dài của phần vít khóa trong sau khi bẻ: 4.65mm - Đồng bộ với vít đa trục/đơn trục và nẹp dọc đường kính 5.5mm	Cái	100
105	VTTH-105	Vít đa trục rỗng nòng bơm xi măng	- Vật liệu: hợp kim Titanium với mũ vít bằng hợp kim Cobalt Chrome, vòng vương miện bằng Titanium - Vít có hai vùng ren: vùng ren xương xóp phía đầu vít với khoảng cách giữa 2 bước ren là 4mm và vùng ren xương cứng phía mũ vít với khoảng cách giữa hai bước ren là 2mm. - Ren mở rộng đến đầu thon để dễ dàng bắt vít - Có 6 lỗ phía đầu vít cho phép xi măng có thể trực tiếp đi qua thân và các lỗ vít giúp cố định tức thời với những trường hợp có chất lượng xương kém - Tổng chiều cao mũ vít: 17.04mm - Đường kính vít từ 4.5-9.5mm với bước tăng 1mm - Chiều dài từ 30-55mm - Đồng bộ với ốc khoá trong tự gãy có tổng chiều cao 13.5mm và nẹp dọc đường kính 5.5mm	Cái	10
106	VTTH-106	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha HV-R	Xi măng sinh học kèm dung dịch pha gồm 20g xi măng tiệt trùng dạng bột với Barium sulphate 30%, Methyl methacrylate-Styrene-copolymer 68%, Benzoyl peroxide 2% và 9g chất lỏng trong lọ vô trùng với thành phần Methyl methacrylate (mono-mer): 99.1%, N, N-dimethyl-p-toluidine: 0.9%, Hydroquinone 75ppm, là loại xi măng có độ nhớt cao, có cân quang, thời gian làm việc trung khoảng 8 phút ở 22 độ C	Gói	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
107	VTTH-107	Nẹp cổ trước 1 tầng	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ 19mm đến khoảng 30mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2mm hoặc 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Cho phép bắt với vít đơn hướng có góc nghiêng 12 độ và vít đa hướng có góc nghiêng 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm	Cái	10
108	VTTH-108	Nẹp cổ trước 2 tầng	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Dài từ khoảng 32.5mm đến 50mm (khoảng cách chênh nhau giữa các nẹp là 2,5mm). - Trên nẹp có khóa vít. Xoay 90 độ để khóa vít. - Có điểm khuyết để xác định điểm giữa của nẹp. Đồng thời có lỗ rộng để quan sát miếng ghép/ xương ghép. - Chiều dày nẹp (A-P): 2.5mm - Chiều rộng: chỗ rộng nhất 17.8mm - Bán kính cong dọc 184mm, bán kính cong ngang 25mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ - Góc nghiêng của vít đa hướng tối đa: 22 độ - Đồng bộ với vít đơn hướng/ đa hướng tự taro đường kính 4.0mm và 4.5mm	Cái	10
109	VTTH-109	Vít cột sống cổ đa hướng tự khoan	- Vật liệu: Hợp kim Titanium - Vít đa hướng tự khoan - Đường kính 4.0 mm, 4.5mm - Vít đường kính 4.0mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 1mm, đường kính trong 2.4mm, đường kính ngoài 4.0mm - Vít đường kính 4.5mm: chiều dài từ 11mm-17mm, bước tăng 2mm, đường kính trong 2.9mm, đường kính ngoài 4.5mm - Góc nghiêng của vít đơn hướng: 12 độ lên trên/xuống dưới, 6 độ từ trong ra ngoài. - Góc nghiêng của vít đa hướng: 22 độ/-2 độ lên trên/xuống dưới; 17 độ/4 độ từ trong ra ngoài. - Có thể phân biệt kích thước vít bằng màu sắc (mỗi đường kính 1 màu khác nhau). - Đồng bộ với nẹp đốt sống cổ trước kèm khóa mũ vít 90 độ	Cái	100

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
110	VTTH-110	Miếng ghép đĩa đệm nhân tạo dùng trong phẫu thuật cột sống	- Vật liệu: PEEK OPTIMA - Thiết kế phù hợp với cấu trúc giải phẫu của cơ thể - Hai bề mặt có răng - Số điểm đánh dấu cân quang: 3 điểm bằng vật liệu Titanium - Chiều rộng: 11mm, 14mm - Chiều cao: 4, 5, 6, 7, 8mm - Chiều sâu: 11mm - Độ uốn: 4 độ - Dung tích khoang ghép xương: 0.12-0.26cc - Đóng gói trong hộp đã được tiệt trùng.	Cái	20
111	VTTH-111	Kim chọc dò cuống sống	Kim chọc dò cuống sống: Vật liệu : Thép 304 và nhựa y tế, gồm: kim mũi kim cương và trocar, kích cỡ 11 Gauge, trọng lượng: 22.9g	Cái	50
112	VTTH-112	Bơm áp lực đẩy xi măng kèm bộ trộn Med V+	- Vật liệu: nhựa y tế cao cấp (có những thành phần bằng thép không gỉ) - Hệ thống bơm xi măng không bóng gồm 06 bộ phận : + 01 bộ trộn được trang bị lưỡi dao trộn với vòng xoay ngoại luân, có cửa sổ mở phía bên để lắp xylanh + 01 phễu đổ xi măng và dung dịch trộn + 01 pittong đẩy xi măng vào xylanh + 01 xylanh chứa xi măng được kết nối với bộ trộn + 01 tay cầm được sử dụng với xylanh + 01 ống nối kéo dài tránh tiếp xúc trực tiếp với tia X - Hệ thống bơm được trang bị van an toàn, được kích hoạt khi áp lực bên trong xylanh quá cao hoặc khi bơm đẩy đi quá nhanh. - Bộ bơm đo và kiểm soát xi măng với áp lực bơm cao (120 bars) - Dung tích bơm tối đa hơn 10cc	Bộ	5
113	VTTH-113	Xương nhân tạo	- Thành phần hoá học: 15% Hydroxyapatite và 85% beta-Tricalcium Phosphate. - Cấu trúc vật lý: Cấu tạo xốp 3 chiều đồng nhất, thành phần hóa học gần giống xương cơ thể người - Kích thước hạt: 1.6mm - 3.2mm. - Độ xốp của hạt: 80%. với kích thước trung bình khoảng trống là 500 micron và đường kính lỗ liên kết giữa các khoang trống là 125 micron. - Dung tích 10cc. - Tương thích sinh học tốt với cơ thể - Hình thành xương mới trong vòng 6 tháng	Cái	5

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
114	GB-01	Giường bệnh tay quay	1. Qui cách (±5%) - Tổng thể: dài 2060 x rộng 920mm - Mặt giường: dài 1935 x rộng 840mm - Chiều cao: 470 mm 2. Chất liệu - Mặt giường làm bằng khung sắt đan lưới. - Khung giường làm bằng sắt hộp sơn tĩnh điện. - Tấm chắn đầu/đuôi giường làm bằng nhựa cứng đúc nguyên khối. - Lan can làm bằng nhôm và nhựa ABS không độc, kháng khuẩn. 3. Chức năng - Phương thức chuyển động: bằng 2 tay quay; đặt gọn dưới đuôi giường. (1) Nâng hạ đầu từ: 0o ~ 80o (2) Nâng hạ chân từ: 0o ~ 35o - Tấm chắn đầu/ đuôi giường có thể tháo rời. - Lan can có thể gập lên/xuống được. - Bánh xe kích thước: 127mm; có khóa ở 4 bánh xe. - Có 4 móc treo nước thải ở 2 bên hông giường. - Có 4 lỗ cắm móc truyền dịch. - Tải trọng an toàn: 200kg 4. Phụ kiện: - Giá truyền dịch 2 móc: HK-016 - Nệm giường HK-301 (1) Dài 2000 x Rộng 850 x Cao 100mm (2) Lớp ngoài: Vải nilon, chống thấm, thoáng khí. (3) Lớp trong: Mút dạng sóng, không xẹp.	Cái	10
115	GB-02	Tủ đầu giường	Kích thước: (D400 x N350 x C850)mm - Chất liệu inox 304 - Mặt dựng bằng tấm dày 0.6mm - Khung sườn bằng thanh vuông 25x25mm - Lang cang chắn liền khung 3 mặt cao 50mm Ø12, phần trước để trống - Chân tủ cao 75mm, bọc đế cao su - Ngăn kéo cao 110mm có khóa và tay nắm - Ngăn cửa cao 430mm, bên trong chia thành 02 ngăn	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
116	VTTK-01	Ống thông dẫn đường nòng kẹp can thiệp mạch não	Ống thông dẫn đường kẹp 2 nòng chất liệu PTFE có phủ Hydrophilic đầu mềm, có nhiều hình dạng đầu cong khác nhau, kích cỡ 6F và 5F. Ống thông ngoài dài 95cm trong đó đầu xa dài 7cm, ống thông nòng trong dài 117cm, chiều dài đầu xa 7cm, chiều dài đoạn phủ Hydrophilic là 15cm.	Cái	10
117	VTTK-02	Dây dẫn can thiệp mạch não	Dây dẫn chất liệu công nghệ Nitinol- stainless hypbrid, lớp vỏ là PTFE, đặc biệt đầu gần là PTFE mật độ cao giúp giảm ma sát, phủ Hydrophilic dài 200 cm trong đó chiều dài đầu xa là 40 cm với lõi là Nitinol. Đường kính đầu gần 0.014 inches và đường kính đầu xa là 0,012 inches. Chiều dài đầu xa có thể uốn được là 1,4cm.	Cái	20
118	VTTK-03	Vi ống thông can thiệp mạch máu não	Vi ống thông lớp trong cùng vật liệu PTFE dạng taper có các vòng xoắn gia cố, lớp ngoài phủ Hydrophilic. Có nhiều hình dạng đầu khác nhau: Đầu thẳng, 45 độ, 90 độ và hình chữ J. Đường kính trong từ 0,017, 0,021 và 0,027 inches, đường kính ngoài đầu gần từ 2.4F, 2.5F, 3,1F, đường kính ngoài đầu xa là 1.7F, 2.0F và 2.6F . Chiều dài sử dụng là 150 cm và 156cm, trơn và linh hoạt. Có hai markers.	Cái	50
119	VTTK-04	Vi ống thông can thiệp mạch máu não	Vi ống thông dùng trong thả coil, bóng chèn, stent hỗ trợ coil, chất gây tắc mạch điều trị AVM, phương pháp kết hợp thả coil và chất gây tắc mạch AVF. Lớp ngoài cùng có phủ Hydrophilic, giảm ma sát giúp tăng khả năng dẫn đường trong các đoạn mạch xoắn vặn. Loại dài 156cm (đường kính ngoài đầu gần/xa là 2.1F/1.6F, có 2 markers cân quang), loại dài 167cm (đường kính ngoài gần/xa là 2.1F/1.3F, có 1 marker cân quang, đầu thuôn nhọn)	Cái	50
120	VTTK-05	Vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch - coils	Vòng xoắn kim loại chất liệu Platinum với các kiểu hình xoắn khác nhau: Xoắn ốc, phức hợp 3D, siêu mềm 2D, siêu mềm 3D,... Có 2 hệ thống coil 10 và coil 18, đường kính vòng xoắn từ 1mm đến 24mm, chiều dài coil từ 1cm đến 68cm.	Cái	10
121	VTTK-06	Kim cắt vòng xoắn kim loại bít túi phình mạch	Kim cắt tách vòng xoắn kim loại đã được tích điện sẵn. Chỉ cần 1 người vận hành, chỉ cần ấn duy nhất 1 nút trong vòng 0.75 giây để cắt 1 vòng xoắn.. Thông qua đèn báo và tín hiệu chuông phát ra thông tin ngay lập tức cho biết kim đã sẵn sàng cắt vòng xoắn	Cái	5
122	VTTK-07	Stent hỗ trợ nút phình túi mạch não	(Stent) Dụng cụ giá đỡ mạch não dùng cho túi phình cổ rộng để hỗ trợ coil, chất liệu thép không gỉ, 12 sợi bện vào nhau với các mắt lưới kích thước 1.5mm. Có 6 điểm cân quang ở 2 đầu dụng cụ và 3 sợi cân quang suốt chiều dài thân. Ở trạng thái tự do, stent có đường kính từ 2.5mm đến 3.5mm, chiều dài từ 13 mm đến 33 mm. Chỉ định cho đường kính nòng mạch từ 2.0mm đến 3.5mm.	Cái	1
123	VTTK-08	Ống hút huyết khối trong lòng mạch máu não	Đường kính trong lớn giúp tăng cường lực hút và củng cố độ uyển chuyển khi điều hướng ở đầu xa trên - Đường kính trong 0,07", đường kính ngoài đầu gần 0.0825" - Chiều dài làm việc 125cm (chiều dài đầu xa là 19cm, chiều dài đầu gần là 106cm) hoặc 131 cm (chiều dài đầu xa 19cm và chiều dài đầu gần là 112cm), đầu thẳng. -Lòng ống rộng hơn nên hút được huyết khối lớn hơn	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
124	VTTK-09	Vòng xoắn kim loại (coil) siêu mềm Optima	Vòng xoắn kim loại siêu mềm(coil) gây bít phình mạch máu. Dòng sản phẩm cao cấp với thiết kế dạng xoắn ốc (Helical) và xoắn phức hợp (Complex), từ tiêu chuẩn (Standard), mềm (Soft) và siêu mềm (Super Soft) giúp coil ổn định hình dạng di chuyển dễ dàng . Điểm tách coil siêu nhanh dưới 01 giây khi kết nối với dụng cụ cắt coil (Xcel) .Hệ thống coil 10 và 18 , đường kính coil 1 , 1.5, 2, 2.5, 3, 3.5, 4, 5 ,6 ,7 ,8 ,9 ,10 ,11 ,12 ,13 ,14 ,15 ,16 ,18, 20, 22 và 24mm, Chiều dài coil 1, 2, 3,4,5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 13, 15, 16, 17, 20,23, 24, 27, 30, 34, 37, 40, 43, 47, 50, 55, 60 và 65cm.	Cái	40
125	VTTK-10	Dụng cụ cắt coil	Cắt coil siêu nhanh dưới < 01giây, có khả năng cắt 60 coil liên tục. Dễ dàng thao tác , tiết kiệm thời gian làm thủ thuật .	Cái	10
126	VTTK-11	Vòng xoắn kim loại siêu nhỏ theo dòng chảy	Vòng xoắn kim loại dạng lò xo đường kính siêu nhỏ duy nhất 0.007", bơm qua ống thông có đường kính 1.2F/1.5F, sử dụng trong thủ thuật gây tắc dị dạng động tĩnh mạch não .	Cái	20
127	VTTK-12	Vi ống thông siêu nhỏ mềm thông thường	Vi ống thông siêu nhỏ được bện suốt theo chiều dài ống thông. Phủ lớp ái nước Hydrophillic ở đoạn xa và phủ PTFE trong lòng ống làm tăng khả năng điều hướng. Đường kính ngoài đoạn gần từ 2.2F- 4.0F, đoạn xa từ 1.9F-3.8F, có từ 1- 2 markers tăng tính cân quang. Chiều dài vi ống thông 135cm, 155cm. Định dạng với đầu thẳng (D) và đầu cong (MP).	Cái	10
128	VTTK-13	Vi dây dẫn can thiệp siêu nhỏ Hybrid	Vi dây dẫn can thiệp siêu ái nước có đường kính 007", 008",014" và loại có đoạn xa .014", đoạn gần .012". Đầu gần làm bằng thép không rỉ, đầu xa làm bằng nitinol giúp định hình tốt chống gãy gập. Dễ dàng tạo hình đầu xa từ phiên bản đầu D.	Cái	200
129	VTTK-14	Khung giá đỡ mạch máu não	Stent điều trị phình mạch cổ rộng kết hợp với vòng xoắn kim loại : stent tự bung, được dệt bằng 16 sợi , kháng lực lên thành mạch cao giúp stent áp sát vào thành mạch và định hình theo mạch máu tốt nhờ vào các sợi nicken và titanium. Cân quang với 2 marker dọc thân.Đường kính từ 2.0 đến 5.5, chiều dài từ 12mm đến 75mm Có thể thu hồi stent khi đã bung 90%.	Cái	2
130	VTTK-15	Vi ống thông siêu nhỏ mềm phức tạp	Vi ống thông siêu nhỏ tự trôi theo dòng chảy của mạch máu, có đường kính nhỏ 1mm dùng trong can thiệp dị dạng mạch máu não. Chất liệu vi ống thông là sự kết hợp giữa hợp kim polyurethan (PUR) và TORVER ở đoạn gần. Đường kính từ 1.2F - 1.8F, tương thích với dây dẫn .008"- .010"	Cái	20
131	VTTK-16	Dụng cụ kéo huyết khối dạng stent	Dụng cụ kéo huyết khối tái thông mạch được thiết kế dạng stent mở đường kính lên đến 6mm. Có 3 marker ở đoạn xa, các marker ở đoạn gần và thân stent giúp cân quang tốt.Kích thước 4mm, 5mm và 6mm . Chiều dài stent đa dạng từ 19mm đến 67mm. Chiều dài làm việc từ 10mm- 50 mm Phù hợp với mạch máu có đường kính 4mm đến 6mm. Tương thích với vi ống thông có đường kính trong .017", .021".	Cái	20
132	VTTK-17	Ống thông mở đường dài , đường kính lớn	Ống thông hỗ trợ can thiệp thần kinh và ngoại biên đường kính 6F được thiết kế bên xoắn ở đầu xa chống gãy gập. Đường kính trong đoạn gần và đoạn xa là 0.88" đầu mềm, phủ hydrophilic 20cm. Chiều dài ống thông đa dạng từ 80cm, 90cm và 100 cm .	Cái	10

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
133	VTTK-18	Ống thông can thiệp đầu siêu mềm loại lớn	Ống thông can thiệp mạch máu não được thiết kế bên dọc thân ống bằng 8 dây hỗ trợ chống gãy gập. Đường kính ngoài 6F. Đường kính trong 0.058" và 0.070". Hỗ trợ tốt cho vi ống thông trong điều trị và chẩn đoán. Chiều dài đa dạng 95cm, 105 cm, 115 cm, 125cm, 135 cm.	Cái	50
134	VTTK-19	Ống thông can thiệp đầu siêu mềm loại nhỏ	Ống thông can thiệp mạch máu não được thiết kế bên dọc thân ống bằng 8 dây hỗ trợ chống gãy gập, với đường kính đầu gần 4.2F và đầu xa 3.9F, đoạn đầu mềm 2,5cm và 15cm, định hình đầu thẳng / cong	Cái	5
135	VTTK-20	Vi ống thông siêu nhỏ mềm	Vi ống thông siêu nhỏ được thiết kế cho sử dụng trong thủ thuật can thiệp mạch máu thần kinh. Đường kính ngoài đoạn gần và đoạn xa là 2.5F- 2.2F. Đường kính trong là .017", có 4 vùng chuyển tiếp. Cấu tạo bằng 8 dây nitinol, 1 dây thép không rỉ, 2 marker vàng ở đầu gần làm tăng khả năng cản quang. Tổng chiều dài của vi ống thông là 160cm, dễ dàng tạo hình đầu vi ống thông từ phiên bản đầu thẳng. Tương thích với DMSO.	Cái	50
136	VTTK-21	Vòng xoắn kim loại- Coil lỏng	Vòng xoắn kim loại dạng lò xo có sợi bao phủ, đường kính 0.015", gây tắc dò động tĩnh mạch ngoại vi. Đường kính vòng coil từ 2mm-7mm, chiều dài coil từ 2.5cm-6cm. Dùng với dây dẫn 0.014" và vi ống thông có đường kính 2.4F.	Cái	10
137	VTTK-22	Khung giá đỡ mạch máu não có cấu trúc nhỏ cho mạch máu có đường kính $\leq 1.5\text{mm}$	Stent chuyển dòng được bện bằng 48 sợi, có cấu trúc nhỏ cho mạch máu có đường kính từ 1.5mm. Áp sát theo thành mạch nhờ các sợi nicken và titanium. Cản quang tốt với 4 markers dọc thân stent giúp dễ định hình stent trong lòng mạch. Đa dạng đường kính từ 2.0 đến 5.5, chiều dài từ 15mm đến 40mm. Đặc biệt có thiết kế hình nón. Có thể thu hồi stent khi đã bung 90%.	Cái	1
138	VTTK-23	Bóng tắc mạch tách rời các loại	Bóng tắc mạch bằng chất liệu cao su thiên nhiên, có thể tách rời (tắc động - tĩnh mạch), kích thước bóng từ 1-4, tương ứng với thể tích bóng từ 0.25ml - 0.75ml. Chỉ tương thích với dây thả bóng có van gần bóng ở đầu gần. Sử dụng với ống thông can thiệp có đường kính 8F.	Cái	10
139	VTTK-24	Vi ống thông siêu nhỏ mềm cỡ 1.8F-2.7F gắn bóng tách rời	Vi ống thông dùng mang bóng, dài 165cm, đường kính: đầu gần 1.8F, đầu xa 2.7F	Cái	10
140	VTTK-25	Giá đỡ (stent) điều trị phình động mạch não tự giãn nở	- Khung giá đỡ nitinol tự giãn nở dùng trong can thiệp bệnh lý phình mạch não. - Chất liệu: Nitinol. - Khung giá đỡ có 3 dấu cản quang Platinum-Iridium mỗi đầu. - Đường kính 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm, 5.5mm, 6.5mm, 8.0mm. - Chiều dài 15, 20, 25, 30, 35, 40, 60mm. - Khung giá đỡ tương thích với mạch máu đường kính 1.5-2.5mm, 1.5-3.0mm, 2.5-3.5mm, 2.5-4.0mm, 3.0-4.5mm, 3.5-5.0mm, 4.0-6.0mm, 6.0-7.0mm. - Tương thích với ống thông có đường kính trong 0.0165"- 0.017", 0.021" và 0.027". - Có thể thu hồi sau khi đặt 90% chiều dài. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	2

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
141	VTTK-26	Khung giá đỡ hẹp mạch nội sọ (không phủ thuốc)	- Khung giá đỡ tự giãn nở dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 3.0mm, 4.0mm, 5.0 mm. - Chiều dài 15mm, 20mm, 25mm, 30mm. - Khung giá đỡ tương thích với mạch máu đường kính 2.0-2.5mm, 2.5-3.5mm, 3.5-4.5mm. - Tương thích với ống thông gắn bóng đường kính 1.5-4.0mm, chiều dài bóng 8mm. - Có thể thu hồi sau khi thả 90% chiều dài. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	20
142	VTTK-27	Dụng cụ lấy huyết khối mạch máu não	- Khung giá đỡ chất liệu nitinol dùng để lấy huyết khối trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não. - Có hai sợi DFT dọc chiều dài stent và 3 đầu cân quang X-ray ở đầu xa. - Thiết kế lai kết hợp giữa mắt lưới lớn và mắt lưới nhỏ. - Đường kính 2.5mm, 3.5mm, 4.5mm, 6.0mm - Chiều dài 16, 28, 30, 40, 50mm. - Khung giá đỡ tương thích với mạch máu đường kính 1.0-2.0mm, 1.5-3.0mm, 2.0-4.0mm, 3.5-5.5mm. - Tương thích với ống thông 0.0165", 0.021" và 0.027". - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	10
143	VTTK-28	Bóng nong điều trị hẹp mạch máu não	- Bóng nong có ống thông 2 lòng dùng trong can thiệp điều trị xơ vữa động mạch nội sọ. - Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0mm, chiều dài bóng nong 8mm, đường kính trong 0.0165"-0.017". - Đường kính ngoài đầu xa-gần là 2.7F/ 3.7F, chiều dài 150cm. - Áp lực danh nghĩa 6 atm, áp lực tối đa 14 atm. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE	Cái	20
144	VTTK-29	Vi ống thông can thiệp mạch máu não đường kính 0.0165"-0.021".	- Vi ống thông can thiệp mạch não. - Đường kính trong 0.0165", 0.021" - Đường kính ngoài đầu xa-gần là 1.9F/ 2.3F, 1.9F/2.1F, 2.4F/2.5F và 2.2F/ 2.6F. - Chiều dài khả dụng 155cm, 160cm và 167cm. - Đầu ống thẳng có thể định hình, số dấu cân quang ở đầu ống là 2. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	50
145	VTTK-30	Vi ống thông can thiệp mạch máu não Đường kính 0.027"	- Vi ống thông can thiệp mạch não. - Đường kính trong 0.027", 0.039". - Đường kính ngoài đầu xa-gần là 3.0F/ 3.1F và 4.0F/ 4.1F. - Chiều dài khả dụng 125cm, 135cm, 145cm, 155cm. - Đầu ống thẳng có thể định hình, số dấu cân quang ở đầu ống là 1. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: ISO, CE.	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
146	VTTK-31	Bóng nong mạch ngoại biên 22 atm, hệ thống lai , 0.014"	Hệ thống ống thông lai kép giữa RX và OTW nhằm tăng cường lực đẩy cho tổn thương ở đoạn xa. Chất liệu bóng: Nylon/ Pebax Công nghệ Z-Tip, chiều dài đầu tip từ 3 - 5 mm. Lớp phủ ái nước (đầu tip và trục xa), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống và bóng) Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.039 inch (Ø3 mm), Áp lực thường 12 atm. Áp lực vỡ bóng: 18-22 atm. Dây dẫn tương thích: 0.014 inch. Đường kính bóng từ 1.5 – 6 mm. Chiều dài bóng từ 15 – 240 mm. Chiều dài ống: 150 cm.	Cái	30
147	VTTK-32	Dây dẫn can thiệp mạch não 0.010inch, 0.014inch & 0.018inch với cấu trúc vòng xoắn kép	Công nghệ độc quyền ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn tốt. Lớp phủ SLIP-COAT, SLIP-COAT trên nền polymer Đường kính: 0.010 inch, 0.014 inch, 0.018 inch Chiều dài khả dụng: 200cm, 300cm Đầu tip: straight, round curve, angled 90.	Cái	50
148	VTTK-33	Dây dẫn can thiệp mạch não 0.008" với cấu trúc vòng xoắn kép	Công nghệ độc quyền ACTONE với cấu trúc vòng xoắn kép duy trì hình dạng đầu tip, phản hồi momen xoắn tốt. Lớp phủ SLIP-COAT dài 180 cm. Đầu tip thuôn lại 0.008 inch. Chiều dài 200cm.	Cái	10
149	VTTK-34	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh 6F, 7F, 8F, bộ ống thông 4F, 5F, 6F không cần sheath, dài 80 - 110 cm	Đoạn phủ hydrophilic dài 5cm/15cm. Thân ống cân bằng, tăng độ cứng giúp ổn định quy trình, tối ưu hóa lực đẩy. Bộ ống thông với dilator đính kèm thay sheath giúp giảm kích thước tại vị trí đâm kim. Kích thước ống thông: 6F, 7F, 8F (Bộ ống thông là 4F, 5F, 6F tương ứng). Đường kính trong của bộ ống thông: 1.80mm/0.071" (4Fr), 2.05mm/0.081" (5Fr), 2.28mm/0.090" (6Fr) Đường kính ngoài của bộ ống thông: 2.09mm (6Fr), 2.40mm (7Fr), 2.70mm (8Fr) Chiều dài khả dụng: 80, 90, 100, 110 cm. Hình dạng đầu tip: angled, straight.	Cái	100
150	VTTK-35	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh 4.2F, ID 0.043inch; phủ hydrophilic 105-115 cm	Thân ống mềm dẻo uyển chuyển với lớp phủ hydrophilic dài 105-115cm. Kích cỡ 4.2 Fr Công nghệ bện dây độc quyền chống xoắn và duy trì độ toàn vẹn lòng ống. Lòng trong ống rộng 1.1 mm (0.043inch), lớp phủ PTFE. Chiều dài khả dụng: 120, 125, 130cm. Hình dạng đầu tip: straight.	Cái	10

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
151	VTTK-36	Bóng nong mạch não, tiết diện đầu tip 0.016inch, tiết diện thâm nhập 0.023-0.026inch	-Bóng điều trị hẹp nội sọ hệ thống RX, chiều dài ống 160 cm, tiết diện đầu tip 0.016 inch, tiết diện thâm nhập 0.023-0.026inch. - X ray marker thuận sát với ống. - Bóng áp lực cao đường kính 1.25 - 1.5 mm, chiều dài 10 - 20 mm, áp lực thường 10atm, áp lực vỡ bóng 18atm, có 1 marker. - Bóng áp lực thường đường kính 2.0 - 4.0 mm, chiều dài 10 - 40 mm, áp lực thường 6atm, áp lực vỡ bóng 14atm, có 2 marker. -Tương thích dây dẫn 0.014 inch	Cái	50
152	VTTK-37	Dụng cụ lấy huyết khối dạng kéo cơ học với cấu trúc vòng khép kín	- Nitinol. Thiết kế stent nitinol mở xoắn ốc dọc thân, vòng "ring" khép kín giữ độ mở và giảm hẹp khi lấy ra. - Một marker ở đoạn gần, hai marker ở đoạn xa, dây đưa vào 180cm. - Tương thích với vi ống thông ID: 0.021inch, 0.0165inch (LITE). - Đường kính stent 3-6 mm. - Chiều dài 20-50mm - Dùng cho mạch máu đường kính tối thiểu 2mm hoặc 1.5mm (LITE) hỗ trợ những ca huyết khối mạch sâu bên trong.	Cái	20
153	VTTK-38	Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép Sirolimus & Anti CD34	Stent phủ thuốc sirolimus trên nền polymer sinh học tự tiêu kết hợp với lớp kháng thể anti CD-34 chủ động làm lành lòng mạch. Hàm lượng thuốc: 5.0 microgram/mm. Chất liệu: thép không gỉ 316L Bề rộng stent: 90 µm. Độ dày stent: 100 µm Kích thước tối đa của mắc cáo trên stent: 4.5 mm Tiết diện (stent profile): 0.0361 inch/ 0.91 mm Lớp phủ: ái nước Hydro-X Đường kính: 2.5 - 4.0 mm. Chiều dài: 9 – 38 mm. Đường kính 2.5-2.75mm nong lên tối đa 3.25 mm Đường kính 3.0-4.0mm nong lên tối đa 4.5 mm Thử nghiệm lâm sàng trên 9600 bệnh nhân. CE chứng nhận khả năng rút ngắn thời sử dụng DAPT linh hoạt cho bệnh nhân ổn định và bệnh nhân ACS	Cái	10

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
154	VTTK-39	Bóng nong áp lực thường với Sub-zero tip và ống P-Tech	Chất liệu bóng: Nylon Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.0216 inch (Ø1 mm), 0.0306 inch (Ø3 mm) Đầu tip trơn sắt, tiết diện (tip entry profile): 0.0164 inch (Ø1 mm) Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy & chống xoắn vặn Đường kính bóng: 1 – 4 mm. Chiều dài bóng: 5 – 30 mm. Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 14 - 16 atm Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm. Số nếp gấp bóng: 2-3	Cái	20
155	VTTK-40	Bóng nong áp lực cao với Z-tip và đường kính thân bóng 0.0336"	Thiết kế đầu bóng Z-tip bám sát dây dẫn. Bóng kiểm soát độ giãn nở tốt với tỷ lệ tăng giãn nở thấp nhất tại mỗi lần bơm bóng Chất liệu bóng: Nylon Đường kính thân bóng 0.0336 inch (Ø 3.0 mm) Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Số nếp gấp bóng: 3- 5 Đường kính bóng: 1.75 – 5 mm. Chiều dài bóng: 8 – 18 mm. Áp lực thường: 12 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 18, 20 atm. Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm. Số nếp gấp bóng: 3-5	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
156	VTTK-41	Bóng nong áp lực thường với, đường kính thân bóng 0.0208 inch	Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy, chống xoắn vặn. Thiết kế đầu tip sub-zero thuận lại dành cho tổn thương hẹp nhất. Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.0159 inch (Ø0.85 mm), 0.0164 inch (Ø3.0 mm) Chất liệu bóng: Nylon/Pebax Đường kính thân bóng nhỏ: 0.0208 inch (Ø0.85 mm), 0.0313 inch (Ø3.0 mm) Đường kính bóng: 0.85 – 4 mm. Chiều dài bóng: 5 – 30 mm. Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 14 atm - 16 atm Lớp phủ ái nước Hydro-X (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước Invio (lòng trong ống) Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm, 145 cm (Ø0.85 – 1.25 mm) Số nếp gấp bóng: 2-3	Cái	10
157	VTTK-42	Bóng nong áp lực cao 24 atm với đường kính thân bóng 0.0345”	Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.0345 inch (Ø3.0 mm) Tiết diện thâm nhập đầu tip (tip entry profile): 0.0169 inch (Ø3.0 mm) Bóng kiểm soát độ giãn nở tốt Tỷ lệ tăng trưởng theo chu vi thấp nhất lên tới 68% Tỷ lệ tăng trưởng theo chiều dài thấp nhất lên tới 83% Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Đường kính bóng: 1.5 – 5 mm. Chiều dài bóng: 8 – 26 mm. Áp lực thường: 14 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 20 - 24 atm Số nếp gấp bóng: 3-5	Cái	10
158	VTTK-43	Vi dây dẫn can thiệp mềm với cấu trúc vòng xoắn kép , tip load 0.5, 0.7 & 0.8 gf	Dây dẫn đơn lõi one-piece core/đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phân hồi momen xoắn và chống giứt. Lớp phủ: silicon hoặc SLIP-COAT. Tip load: 0.5 gf, 0.7gf, 0.8 gf. Đầu tip: straight, J. Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 180 cm / 165 cm (extension wire).	Cái	50
159	VTTK-44	Vi dây dẫn can thiệp CTO với cấu trúc vòng xoắn kép, tip load 0.3 - 20 gf	Dây dẫn đơn lõi one-piece core/ đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phân hồi momen xoắn và chống giứt. Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, SLIP-COAT hoặc SLIP-COAT trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180, 190, 300 cm	Cái	10

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
160	VTTK-45	Bộ bơm bóng	Công nghệ Selok khóa tự động và nhả áp lực đều đặn, áp kế chính xác. Áp lực tối đa 30 atm, thể tích syringe 20 ml. - Bộ bơm bóng gồm: van cầm máu, dây mở đường, torque, cổng chia, thiết bị bơm bóng, dây nối (tùy chọn).	Cái	200
161	VTTK-46	Lưới lọc bảo vệ mạch máu	Dây dẫn dùng can thiệp mạch máu ngoại biên đường kính 0.014", Phù hợp cho các mạch máu có đường kính khoảng từ 3.5 đến 5.5mm. Lớp phủ PTFE. Đường kính vượt tổn thương khoảng 3.2F (1.1 mm). Đầu tip cân quang dạng lò xo xoắn. Chất liệu lưới lọc: Polyurethane, kích thước lỗ lưới siêu nhỏ khoảng 110 micron. Chiều dài dây dẫn 190, 300 cm.	Cái	10
162	VTTK-47	Khung giá đỡ (stent) mạch vành	Stent tự bung bằng sheath, gồm các dây hợp kim DFT (Drawn Filled Tubing). Chất liệu Elgiloy (coban-chromium-iron- nickel-molybden). Có thể thu stent lại sau khi đã bung ra được 50%. Thiết kế closed-cell giúp tăng khả năng chống đỡ, tối ưu hóa việc bao phủ tổn thương và cung cấp 1 lòng mạch trơn láng. Thiết kế hệ thống: Monorail. Đường kính từ 6mm đến 10mm. Chiều dài từ 21mm đến 37mm, dài tối đa sau khi bung 62mm. Chiều dài trực thân 135cm. Dây dẫn tương thích 0.014". Sheath tương thích 5F-8F.	Cái	100
163	VTTK-48	Bóng nong can thiệp mạch máu ngoại biên đi cùng guidewire 0.014"/0.018"	Chất liệu Pebax trên bóng phủ lớp ái nước Hydrophilic công nghệ Bioslide. Đầu vào vị trí tổn thương khoảng 0.020". Có 2 dạng: Monorail và Over-the-wire. Catheter dài khoảng 40cm, 80cm, 90cm, 135cm, 150 cm. Đường kính từ 2.0mm đến 10.0mm, chiều dài từ 10mm đến 220mm. Tương thích dây dẫn 0.014"/0.018". Áp lực vỡ bóng tối đa 14atm.	Cái	20
164	VTTK-49	Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.014"	Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.014", chiều dài 182cm; 300cm. Chất liệu thép không gỉ: Scitanium. Lớp phủ: ICE ái nước được phủ trên 8 cm và 11 cm đầu xa, đảm bảo độ cứng chắc và trơn láng, có thể qua được các tổn thương khúc khuỷu. Đầu tip cân quang dài 2cm cho hình ảnh rõ nét hơn. Tip load: 3 gr, 6 gr. Loại đầu: thẳng và cong.	Cái	20
165	VTTK-50	Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.018"	Dây dẫn ngoại biên đường kính 0.018", chiều dài 110cm; 150cm, 200cm, 300cm. Chất liệu thép không gỉ: Scitanium. Lớp phủ: ICE ái nước được phủ trên 8 cm và 12 cm đầu xa, đảm bảo độ cứng chắc và trơn láng, có thể qua được các tổn thương khúc khuỷu. Đầu tip cân quang dài 2cm cho hình ảnh rõ nét hơn. Tip load: 6 gr, 8 gr.	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
166	VTTK-51	Ống thông chẩn đoán mạch máu tạng và ngoại biên các cỡ;	- Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng, ngoại biên và mạch vành (Cobra I,II,III/ Vert/ Simmons I,II,III/ Yashiro/ RH/ Judkins Right/ Judkins Left/ TiG/ PIG Tail,...) - Mức độ xoay cao, duy trì hình dạng đầu tốt - Lớp ngoài và lòng trong catheter có chất liệu nhựa Pebax - Độ cân quang dưới màn hình soi huỳnh quang cao (chứa 40% BASO4) - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép không gỉ (SUS) giảm thiểu sự xoắn nút trong mạch máu - Kích thước: 4F (1.00mm); 5F (1.08mm); 6F (1.32mm) - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI - Đa dạng chiều dài: 40cm - 150cm	Cái	50
167	VTTK-52	Bộ dụng cụ bơm bóng áp lực cao	- Bộ dụng cụ bơm bóng feather với khả năng hiển thị cao giúp đọc áp suất chính xác - Chất liệu: Polycarbonate - Thể tích: 20ml - Áp lực tối đa: 30ATM/bar with Stopcock - Kèm theo bộ chữ Y, gồm có: khoá chữ Y, dây nối, kim luồn và torque - Có 2 loại bơm bóng: loại đẩy - Feather và loại súng - Feather gun	Bộ	50
168	VTTK-53	Đầu nối chữ Y	- Đầu nối Y- Star dạng bấm và vặn, đường kính trong van 9Fr, sử dụng trong thủ thuật chụp chẩn đoán và can thiệp mạch máu với cổng nối linh động giúp gắn thêm các kết nối phụ nhằm hỗ trợ tối đa trong quá trình phẫu thuật. - Bộ kết nối chữ Y bao gồm: • Đầu nối chữ Y • Torque • Kim dài 10cm • Dây truyền với khóa luer có 03 cổng, dài 25cm. • 02 cổng nối linh động	Bộ	200
169	VTTK-54	Bộ dụng cụ hỗ trợ mở đường vào mạch máu các cỡ	Bộ dụng cụ mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi starflex, gồm 04 bộ phận: Ống nông lòng mạch máu (Dilator); Ống thông mở đường vào lòng mạch quay và mạch đùi (Sheath introducer), Dây dẫn nhỏ kim loại dài 45cm 0.021"/0.035" (Mini guidewire), Kim chọc dò mạch máu (18G/20G) - Các kích thước: 5 F; 6 F; 7 F; 8 F; 9 F - Chiều dài: 11 cm	Bộ	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
170	VTTK-55	Stent mạch cảnh cấu trúc Nitinol thẳng hoặc xoắn	- Cấu trúc Nitinol thẳng hoặc xoắn - Kích thước mắt lưới thay đổi: Lực ly tâm tăng lên tại nơi tổn thương và lực ly tâm giảm tại mạch lành - Thiết kế mắt lưới giảm thiểu nguy cơ bị kẹt - Mạch thẳng: Đường kính 7, 8, 9, 10 mm, chiều dài: 20, 30 mm - Mạch hai đầu không bằng nhau: 6-8, 7-9, 8-10 mm, chiều dài: 30, 40 mm - Đối với mạch thẳng: Mạch cảnh trong 5.5 đến 6.4 mm dùng size 7.0 mm; mạch 6.4 đến 7.3 mm dùng size 8.0 mm; mạch 7.3 đến 8.2 mm dùng size 9.0 mm; mạch 8.2 đến 9.1 mm dùng size 10.0 mm + Đối với mạch hai đầu không bằng nhau (tapered): Mạch đầu gần (Cảnh ngoài) 6.4 đến 7.3 mm và mạch đầu xa 4.8- 5.5 mm dùng size: 8.0-6.0 mm; Mạch đầu gần 7.3 đến 8.2 mm và mạch đầu xa 5.5- 6.4 mm dùng size: 9.0-7.0 mm; Mạch đầu gần 8.2 đến 9.1 mm và mạch đầu xa 6.4- 7.3 mm dùng size: 10.0-8.0 mm; - Tương thích dụng cụ mở đường: 6F hoặc ống thông can thiệp: 8F	Cái	50
171	VTTK-56	Lưới lọc huyết khối đoạn xa trong can thiệp mạch cảnh và ngoại biên dạng chóp nón giảm truyền tắc mạch ở xa hiệu quả	"Lưới lọc huyết khối đoạn xa trong can thiệp mạch cảnh và ngoại biên dạng chóp nón giảm truyền tắc mạch ở xa hiệu quả - Kích thước lỗ 120µm: Lưới lọc nylon độ khô cao phủ ái nước hydrophilic thiết kế tạo lỗ tưới máu 120 µm cho dòng máu chảy qua và hiệu quả cho việc bắt mảnh vụn, có kết hợp khung nitinol. - Điểm đánh dấu cân quang trên khung chỉ thị vị trí trên mạch và tình trạng bung - Phù hợp cho mạch máu: 2.5 - 7.0mm - Đường kính lưới lọc: 5.0; 7.2mm - Tương thích với nhiều kiểu thành mạch, vi dây dẫn 0,014"" có 02 kích thước 190cm và 315cm."	Cái	50
172	VTTK-57	Ống thông can thiệp chẩn đoán mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phế quản) và ngoại biên các cỡ	Ống thông can thiệp chẩn đoán rainbow có các hình dạng chuyên cho mạch máu não, mạch máu tạng (gan, phổi, phế quản) và ngoại biên có nhiều dạng đầu: Simmons I, Simmons II, Simmons III, Vert, Cobra II, Cobra III, Liver, Liver RH, Mikaelsson - Mức độ xoay cao - Đầu xa ống thông được thiết kế linh hoạt - Phần thân ống thông được đan bằng các sợi thép - Tốc độ dòng chảy tối ưu - Độ cân quang cao - Kích thước: 4; 5; 6 F - Tương thích dây dẫn: 0.035"; 0.038" (Maximum guidewire: 0.965mm) - Chịu được áp lực đến: 1.200 PSI (8.274 MPA) - Chiều dài: 70cm; 80cm; 100cm	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
173	VTTK-58	Dây dẫn can thiệp chẩn đoán mạch máu phủ lớp ái nước đường kính: 0.035", chiều dài: 45cm - 180cm.	Dây dẫn can thiệp mạch máu anguis phủ lớp ái nước hydrophilic: - Cấu tạo: Nitinol. - Đường kính: 0.035". - Có 05 kích thước chiều dài khác nhau: 45cm - 180cm. - Có 06 loại đầu tip khác nhau: Angled; Straight; 1.5J; 2.0J; 3.0J; Beak.	Cái	50
174	VTTK-59	Stent động mạch cảnh tự bung làm bằng nitinol nhớ hình, đường kính 6-10mm	Khung giá đỡ (Stent) tự giãn nở bằng nitinol nhớ hình, độ dài ống thông có gắn stent 135cm, sử dụng dây dẫn 0.014" với catheter 6Fr Sử dụng công nghệ EX.P.R.T trong hệ thống bung stent giúp bung stent chính xác ở vị trí mong muốn. Sử dụng để mở thông hẹp động mạch cảnh ngoài sọ, dễ đẩy, cân quang tốt, có loại thẳng và thuôn đầu để lựa chọn, độ căng áp sát thành mạch tốt Điểm đánh dấu (Marker) làm bằng Tantalum, tăng khả năng hiển thị. Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn (Tapering) phù hợp với động mạch cảnh.	Cái	50
175	VTTK-60	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi có dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón đường kính lưới 3-7mm	Hệ thống hoàn toàn không ảnh hưởng tới dòng chảy trong can thiệp "Dây dẫn gắn lưới lọc hình chóp nón, kèm ống thông dẫn và thu hồi, đường kính lưới lọc (filter) 3,4,5,6,7mm, độ dài dây đẩy 190cm và 320cm. Hệ thống phù hợp với cả dây dẫn 0.014" và 0.018" Chất liệu lưới lọc: Nitinol. kỹ thuật đan Full -Wall Đường kính vượt tổn thương(Crossing Profile): 3.2Fr Miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten làm marker Dây dẫn đường xoay và di chuyển theo chiều dọc độc lập với lưới lọc, giúp lưới lọc hoàn toàn ổn định trong suốt quá trình can thiệp.	Cái	20
176	VTTK-61	Bóng nong động mạch vành Áp Lực Thường (Tất cả các size) các cỡ	_ Công nghệ 2 lớp phủ bằng sóng siêu âm Glide™ Hydrophilic bên ngoài và Fast™ bên trong cung cấp khả năng trượt mà không gây thương tổn. _ Bóng 2 hoặc 3 nếp gấp & thân ống xoắn kép Spiral Cut tăng cường sự linh hoạt vào các đoạn mạch ngoằn ngoèo. _ Tip profile 0.016", chiều dài đầu tip 1.5/2.0/2.5mm _ Chất liệu: Property pebax _ Marker: 2 marker bằng vật liệu Pt/Ir (1 marker cho bóng có đường kính từ 1.0-1.75mm). _ Đường kính: 1.0 mm - 4.0 mm. Chiều dài: 5mm - 30 mm. _ NP: 6 atm; RBP: 14atm - Hạn dùng: 24 tháng	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
177	VTTK-62	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus (Tất cả các size)	_ Stent lõi Co-Cr(L605), thành Stent mỏng 60µm nền tảng Tetraium, thúc đẩy hình thành nội mô, giảm huyết khối. Cấu trúc LDZ-link tăng tính linh hoạt. Phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1.4µg/mm². Polymer 3 thành phần: PLLA, PLCL, PVP tự tiêu. Tỷ lệ co lại <4% & rút ngắn 0% (3.0x 16/20mm). Hai marker Pt/Ir trên bóng. Sóng stent 4 crown - 6 crown - 8 crown tùy đường kính đảm bảo sự toàn vẹn cấu trúc stent. _ Đường kính: 2.0-4.5 mm, dài: 8-48mm. NP: 10 atm, RBP: 16 atm _ Hạn dùng 24 tháng.	Cái	20
178	VTTK-63	Bộ bơm bóng áp lực cao và bộ kết nối chữ Y	_ Dung tích: 20ml, Áp lực 30atm, 40atm _ Chất liệu Polycarbonate, chịu được áp lực tốt. _ Mặt đồng hồ áp lực gập góc, phát quang, dây áp lực cao kích thước 12", áp lực lên đến 1200psi _ Bộ kết nối chữ Y dạng Push-click, có áp lực lên đến 1200 psi. _ Bộ bơm bóng gồm: kết nối chữ Y, khóa 3 chạc, dây mở rộng 25cm, dụng cụ chèn 21G, torquer 0.014"/0.035". _ Hạn dùng: 36 tháng	Cái	200
179	VTTK-64	Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não	- Vi ống thông dùng trong can thiệp mạch máu não - Chất liệu: đoạn xa được phủ lớp ái nước, bên trong lòng ống phủ lớp PTFE, công nghệ TrueLumen. có các loại đầu thẳng, cong 45, 90, J, có 1 và 2 marker - Kích thước: + Chiều dài: 150cm + Đường kính: đường kính 0.021inch, đường kính ngoài đoạn đầu gần xa 2.8F/2.3F	Cái	20
180	VTTK-65	Stent chặn cổ túi phình mạch máu não	- Stent chặn cổ túi phình mạch máu não cổ rộng - Chất liệu: các maker bằng Platinum, có đánh dấu định vị stent, thiết kế Closed Cell. - Kích thước: + Chiều dài 16mm, 23mm, 30mm, 39mm + Đường kính 4mm	Cái	1
181	VTTK-66	Dây Dẫn can Thiệp mạch máu não dài 205cm, 300cm	- Dây dẫn can thiệp mạch máu não - Chất liệu: thép không gỉ, có 10cm platinum đoạn đầu xa, với lớp phủ bề mặt có độ bôi trơn cao, có các loại standard và soft. Thiết kế đoạn đầu lõi nhọn để định dạng dây. - Kích thước: + Chiều dài: 205cm, 300cm + Đường kính: 0.014inch	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
182	VTTK-67	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não tiếp cận đầu xa	- Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não - Chất liệu: Thiết kế bên kim loại và 7 phân đoạn Polymer, bên ngoài có phủ lớp ái nước, công nghệ BRITE TIP với 3 dạng đầu tip: dạng thẳng, Multipurpose C, Multipurpose D. - Kích thước: + Chiều dài: 95cm, 105cm + Đường kính: 0.071inch	Cái	20
183	VTTK-68	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch não hỗ trợ bổ sung, cấu trúc 4 phân đoạn	- Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu não - Chất liệu: Lớp lót bên trong phủ PTFE, cấu trúc 4 phân đoạn. Đầu xa mềm với công nghệ BRITE TIP. - Kích thước: + Chiều dài: 90cm, 100cm + Đường kính: đường kính ngoài 6F, đường kính trong 0.070 inch - Có nhiều hình dạng đầu tip để phù hợp một loạt các thủ thuật: Straight, Multipurpose C, Multipurpose D, Modified Cerebral, Headhunter 1, Headhunter 2, Simmons 2.	Cái	20
184	VTTK-69	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Ống thông can thiệp dạng coil bằng thép không gỉ, đường kính ngoài gần-xa là ,2.4Fr-2.7Fr và 2.8Fr-2.8Fr đường kính trong 0.021" và 0.027" , chiều dài là 145 và 153cm, tương thích với dây dẫn lớn nhất 0.018", 0.021". Được sử dụng trong can thiệp mạch thần kinh.	Cái	40
185	VTTK-70	Ống thông hút huyết khối	Chất liệu Nitinol, thiết kế dạng coil dẹt, đường kính trong rộng 0.068" và 0.071", đường kính ngoài tối đa 0.083" và 0.0855". Chiều dài 132cm. Hỗ trợ giá đỡ mạch não trong can thiệp điều trị đột quỵ mạch não.	Cái	40
186	VTTK-71	Stent mạch máu não dung trong hút huyết khối	Đường kính stent 4,6mm, chiều dài stent 20mm, 24mm, 40mm, dùng cho mạch đường kính 2-4mm, 2-5.5mm. tương thích vi ống thông đường kính 0.021"-0.027", số marker đầu xa 3,4, số marker đầu gần 1, khoảng cách giữa các marker là 5mm, 6mm, 10mm. Thiết kế dạng gấp cuộn. Được sử dụng để lấy huyết khối trong điều trị đột quỵ.	Cái	40
187	VTTK-72	Vòng xoắn kim loại cỡ lớn đường kính 0.020" các cỡ	Vòng xoắn bằng platinum. lõi bằng Nitinol. Đường kính sợi coil kích cỡ 0.020". Có nhiều kích cỡ khác nhau đường kính có: 2mm ...đến 32mm, độ dài đa dạng có: 2cm ...đến 60cm.	Cái	10
188	VTTK-73	Dụng cụ tách rời vòng xoắn 0.020"	Dụng cụ tách rời chuyên dụng cho cắt vòng xoắn đường kính 0.020".	Cái	2
189	VTTK-74	Ống thông dẫn đường can thiệp các loại	Kích cỡ 6F. Đường kính trong lớn loại 0.070" và 0.088". Chiều dài loại 0.070": 105cm; Chiều dài loại 0.088": 80cm; 90cm. Đường kính ngoài đầu gần/đầu xa 8F/8F đối với loại 0.088", đường kính đầu gần/đầu xa 6F/6F đối với loại 0.070" .	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
190	VTTK-75	Ống thông hút huyết khối mạch não đường kính trong nhỏ	Đường kính trong đầu xa: 0.035". Đường kính ngoài đầu xa: 3,8F; Đường kính ngoài đầu gần: 4,7F. Chiều dài làm việc: 153cm.	Cái	50
191	VTTK-76	Ống hút huyết khối mạch não đường kính trong lớn các cỡ	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần: 6F, đường kính trong đầu xa: .072"; 0.068" Đường kính ngoài đầu xa: 6F. Chiều dài 132 cm. Có nhiều đoạn chuyển tiếp.	Cái	50
192	VTTK-77	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu kiểu Cross-cut, dài 7cm đến 10cm	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	Cái	300
193	VTTK-78	Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp ái nước M coat, dài 150cm	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035"	Cái	300
194	VTTK-79	Dây dẫn đường lõi nitinol, lớp ngoài polyurethane với hỗn hợp tungsten, phủ lớp ái nước M coat, dài 260cm	Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước Hydrophilic M coat Hình dạng đầu: đầu cong (Angled) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035"	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
195	VTTK-80	Ống thông chụp chẩn đoán mạch não có cấu tạo 3 lớp, đường kính 5Fr (đường kính trong 1.10mm), chiều dài 100cm	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bên đơn SUS - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 100cm	Cái	100
196	VTTK-81	Ống thông chụp mạch não có cấu tạo 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ, bề mặt polyamide, đường kính 5Fr (đường kính trong 0.043"), chiều dài 100cm.	Cấu tạo: 3 lớp nylon elastomer với lưới đan thép không gỉ (SUS). Lớp SUS cho khả năng đẩy tốt. - Bề mặt phủ lớp polyamide, đầu tip bo tròn, cấu trúc đồng trục. - Kích thước: 5Fr (đường kính trong 0.043"). Chiều dài 100cm. - Bề mặt cân quang. - Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 1000psi (6,895kPa)	Cái	310
197	VTTK-82	Ống thông chụp chẩn đoán tạng có cấu tạo 3 lớp với lớp đan kép thép không gỉ, đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 80cm.	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm). Chiều dài 80cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	10
198	VTTK-83	Ống thông chụp chẩn đoán tạng có cấu tạo 3 lớp, đường kính 5Fr (đường kính trong 1.10mm), chiều dài 70cm, 100cm.	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp ngoài polyurethane - Lớp giữa là lớp bên đơn SUS - Lớp trong giàu nylon - Đoạn xa có lớp phủ ái nước Hydrophilic (M Coat) dài 25cm hoặc 40cm. - Kích cỡ: 5Fr (đường kính trong 1.10mm). Chiều dài: 70cm, 100cm	Cái	5
199	TM-01	Catheter hút huyết khối có cấu trúc sợi bên đan xen	- Cấu trúc sợi bên đan xen, thiết kế trục stylet, đoạn đánh dấu cân quang ở đầu xa - Chiều dài trục: 140 cm - Chiều dài đầu tip: 6 mm - Lớp phủ ái nước Hydrophilic dài 40 cm - Kích cỡ: 6F - Đường kính trong 1.00mm và diện tích lòng ống đoạn xa là 0.78 mm ² Các bộ phận khác đi kèm: ống tiêm polycarbonate 30 ml có khóa, dây nối với khóa 2 cổng, dụng cụ rửa, lưới lọc 70 µm.	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
200	TM-02	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu loại nhỏ	Cấu tạo gồm: - Kim chọc mạch cỡ 18G hoặc 20G - Mini plastic guide wire cỡ 0.025", 0.035", dài 45cm - Bơm tiêm 2.5ml - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 4F, 5F, 6F, 7F, 8F, dài 7cm, 10cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	Cái	850
201	TM-03	Dụng cụ mở đường vào động mạch có van cầm máu loại lớn	Cấu tạo gồm: - Mini plastic guide wire cỡ 0.035" hoặc 0.038", dài 80cm - Introducer sheath - Dilator (que nong) Đặc điểm: - Van cầm máu kiểu "Cross-Cut" - Kích thước: cỡ 5F, 6F, 7F dài 25cm - Vật liệu: Dilator chất liệu Polypropylene; Sheath làm bằng ETFE (ethylene tetrafluoroethylene)	Cái	10
202	TM-04	Dây dẫn đường lõi nitinol, dài 150cm	Cấu tạo: - Lõi là hợp kim Nitinol siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten. - Lớp phủ ái nước hydrophilic M Coat. Hình dạng đầu tip: đầu thẳng, đầu cong (Straight, Angled) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 150 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035"	Cái	60
203	TM-05	Dây dẫn đường lõi nitinol dài 260cm	Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol, hợp kim siêu đàn hồi. - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cân quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước Hydrophilic M coat Hình dạng đầu: đầu cong (Angled) Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 260 cm - Chiều dài của phần đầu linh hoạt: 3 cm - Đường kính: 0.035"	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
204	TM-06	Dụng cụ đóng mạch với khả năng tự tiêu và cơ chế cầm máu kép	Cấu tạo gồm các thành phần sau: - Dụng cụ đóng mạch - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 dilator - 01 sheath Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế cầm máu kép với móc neo bên trong lòng mạch và collagen bên ngoài lòng mạch, được giữ bởi chỉ tự tiêu giúp cố định tại vị trí cần đóng mạch. Các bộ phận lưu lại trong cơ thể đều có khả năng tự tiêu sinh học, được hấp thụ trong vòng từ 60 - 90 ngày. Kích cỡ: 6Fr và 8Fr	Cái	5
205	TM-07	Kim luồn tĩnh mạch loại (không cách không cửa), các số	Kim luồn loại không cánh không cửa. Đầu kim sắc bén do cắt vát 2 lần. Catheter bằng chất liệu ETFE (Ethylene Tetrafluorethylene), trơn mượt ôm sát thân kim, thành mỏng lòng rộng cho lưu lượng dòng chảy cao. Khoang chứa máu trong suốt giúp người sử dụng dễ dàng phát hiện khi kim đã ở vị trí thích hợp. - Kích cỡ: 18G x 2" (51mm). Đường kính ngoài/ đường kính trong: 1.30mm/0.95mm, 20G x 1 1/4" (32mm). Đường kính ngoài/ đường kính trong: 1.10mm/0.80mm. - Lưu lượng dòng chảy: 60-90ml/phút. - Thời gian lưu kim 72h. - Tiệt trùng bằng chùm tia điện tử. - Có cản quang.	Cái	300
206	TM-08	Ống thông trợ giúp can thiệp đầu mềm	Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bền cường độ cao, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cản quang cao ở đoạn xa. Đặc điểm: kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau (Công nghệ ZONE). - Hình dạng kiểu BL, JR, JL, MP, AL, Ikari - Kích thước: cỡ 5F có đường kính trong 0.059", cỡ 6F có đường kính trong 0.071", cỡ 7F có đường kính trong 0.081". Chiều dài 100cm.	Cái	300
207	TM-09	Ống thông chẩn đoán buồng tim có cấu tạo 3 lớp dạng pigtail	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng đuôi heo. Chiều dài 110cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
208	TM-10	Ống thông chẩn đoán mạch vành có cấu tạo 3 lớp dạng judkins	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng JR, JL, AL... Chiều dài 100cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	400
209	TM-11	Ống thông chẩn đoán mạch vành đa năng có cấu tạo 3 lớp dạng MP	Cấu tạo: 3 lớp - Lớp trong và lớp ngoài là Nylon-Polyurethan. - Lớp giữa là lớp đan kép bằng thép không gỉ (SUS) (32 sợi) - Kích thước: đường kính 4Fr (lòng rộng 1.03mm) - 5Fr (lòng rộng 1.20mm), dạng MP. Chiều dài 100cm. - Thành ống mỏng cho đường kính trong rộng. Tương thích guidewire 0.038". Giới hạn áp lực 4Fr: 750psi, 5Fr: 1000psi.	Cái	10
210	TM-12	Ống thông chụp chẩn đoán qua mạch quay đa năng trái phải	- Cấu tạo: thiết kế theo công nghệ sợi bện kép (double-wire braiding tech), đoạn đầu xa không bện, tiếp theo là đoạn được bện dày và bện thưa hơn ở đoạn gần. - Vật liệu thành ống: các loại Polyamide khác nhau trong cấu trúc ống 2 lớp - Hình dạng đầu cho can thiệp qua đường quay: Brachial Type (Tiger) - Thành ống mỏng, lòng ống rộng cho tốc độ dòng chảy tối đa 23mL/ giây (cỡ 5Fr). Áp lực tối đa 1,200 psi (8.247kPa) - Tương thích guidewire 0.038" - Đường kính 5Fr (lòng rộng 1.20mm), chiều dài 100cm - 120cm.	Cái	120

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
211	TM-13	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus có polymer tự tiêu Poly	- Chất liệu Cobalt Chromium L605, polymer tự tiêu Poly (DL-lactide-co-caprolactone) phủ mặt áp thành mạch kiểu Abluminal & Gradient, phủ thuốc Sirolimus liều lượng 3,9µg/mm chiều dài khung giá đỡ. Thời gian hấp thụ polymer và phóng thích thuốc trong 3-4 tháng. Mặt cáo sắp xếp như hình vảy rắn, thiết kế mặt cáo mở với 2 link liên kết. Độ mở nhánh (cho stent có đường kính 3.5mm): 14.5mm². Độ dày 80µm Thông số hệ thống đẩy stent: - Thân hệ thống đẩy được gia cố bằng lõi thép không gỉ - Entry profile: 0.018". Đầu vào vật liệu polyamide elastomer. - Crossing profile: 0.044" (với cỡ 3.0mm) - Vật liệu bóng nong: Nylon 12 - Áp lực tham chiếu: 9atm. - Áp lực tối đa: 16atm (với cỡ từ 2.25mm đến 3.0mm); 14atm (với cỡ từ 3.5mm đến 4.0mm) - Đường kính trục đoạn xa: 2.7Fr có lớp phủ ái nước, đoạn gần 1.9Fr - Độ dài trục: 144 cm - Kích cỡ stent: Đường kính 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.5mm, 4.0mm. Chiều dài: 9mm, 12mm, 15mm, 18mm, 21mm, 24mm, 28mm, 33mm, 38mm	Cái	230
212	TM-14	Vi ống thông can thiệp CTO, phủ ái nước hydrophilic	Cấu tạo: Đầu vào dài 0.7mm. Sau đoạn đầu vào là điểm đánh dấu bằng vàng dài 0.7mm để tăng cường khả năng nhận diện. Cấu trúc lõi là lớp bện bằng thép không gỉ (SUS braid) xuyên suốt thành ống giúp tăng độ bền. Mặt trong phủ PTFE và mặt ngoài phủ lớp ái nước Hydrophilic. Kính thước: - Đường kính ngoài: đoạn xa 1.8Fr, đoạn gần 2.6Fr - Đường kính trong: đoạn xa 0.018", đoạn gần 0.021" - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm - Tương thích guidewire 0.014"	Cái	30

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
213	TM-15	Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao	Cấu trúc: - Bóng có cấu trúc 3 lớp: lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer - Số điểm cân quang định vị bóng: 2 - Vai bóng ngắn 3.0mm, dễ thực hiện kỹ thuật POT - Áp lực định mức: 12atm. Áp lực tối đa 22atm (với bóng từ 2.0mm đến 4.0mm) hoặc 20atm (với bóng 4.5mm và 5.0mm) Thông số trục đẩy bóng - Entry profile 0.43mm - Đường kính trục: 1.9Fr đoạn gần dễ dàng thực hiện kỹ thuật Kissing Balloon; 2.5Fr đoạn giữa; 2.6Fr đoạn xa - Độ dài trục: 145 cm - Lớp phủ ái nước Hydrophilic Kích thước: - Đường kính 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm, 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm, 4.5mm, 5.0mm. - Chiều dài 6mm, 8mm, 12mm, 15mm, 20mm, 25mm, 30mm	Cái	400
214	TM-16	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Cấu trúc: - Bóng nong được làm bằng vật liệu Polyamide. - Số điểm cân quang định vị bóng: đơn hoặc đôi - Áp lực định mức: 6atm. Áp lực tối đa 14atm (với cỡ bóng $\leq 3.0\text{mm}$) - Entry profile: 0.41mm. Đầu tip làm bằng vật liệu Elastomer - Crossing Profile: 0.58mm - Đoạn xa được phủ lớp ái nước M Coat - Đoạn kết nối giữa bóng và đầu tip (bonding part) chỉ 0.4mm. - Điểm đánh dấu cân quang dài 0.8mm và dày 25μm - Đường kính trục: 1.9Fr đoạn gần, 2.4Fr - 2.7Fr đoạn xa - Độ dài trục: 145 cm Kích thước bóng: Đường kính: 1.0mm, 1.25mm, 1.5mm, 2.0mm, 2.25mm, 2.5mm, 2.75mm, 3.0mm; 3.25mm, 3.5mm, 3.75mm, 4.0mm. Chiều dài 5mm, 10mm, 15mm, 20mm, 30mm, 40mm	Cái	300

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
215	TM-17	Dây dẫn can thiệp mạch vành	- Cấu tạo trực với công nghệ nối trực tiếp DuoCore, không mối hàn - Kích thước: 0.014" x 180cm - Chiều dài đoạn xa có lớp cuộn phía ngoài: 25 cm - Chiều dài phần đầu cân quang: 3 cm Vật liệu: - Phần lõi: Nickel - Titanium - Đoạn đầu của lớp cuộn: Platinum - Đoạn sau của lớp cuộn: thép không gỉ Lớp phủ: - Cho lớp cuộn: Hydrophilic coating (M coat) - Cho đoạn gần và đoạn giữa: PTFE coating và Silicone coating Đầu gần được đánh dấu giúp dễ phân biệt loại dây dẫn: - Floppy: không đánh dấu - Extra Floppy: một dấu - Hypercoat: hai dấu	Cái	600
216	TM-18	Ổng thông trợ giúp can thiệp đầu thẳng có van rời	Cấu tạo: lớp trong bằng PTFE, ở giữa là lớp lưới thép không gỉ phẳng được bền cường độ cao, lớp vỏ ngoài mềm mại và có tính cân quang cao ở đoạn xa. Đặc điểm: kết cấu vật liệu nổi bật bao gồm 5 đến 6 vùng, mỗi vùng được làm từ các vật liệu có độ cứng khác nhau. - Hình dạng kiểu ST01 (straight), hệ thống 5 Fr trong 6 Fr - Kích thước: cỡ 5F có đường kính trong 0.059". Chiều dài 120cm.	Cái	30
217	TM-19	Bóng nong mạch vành loại thường có dẫn nở	Bóng nong mạch vành có dẫn nở, dùng để nong trước khi đặt stent. Chất liệu OptiLEAP được phủ lớp ái nước Zgslide với hệ thống mang bóng Bi-Segment. Kích cỡ: đường kính 1.2-4.0mm; chiều dài 8-30mm. đầu tip siêu nhỏ 0.017", Crossing profile 0.026", Marker làm bằng Platinum	Cái	70
218	TM-20	Bóng nong mạch vành áp lực cao không dẫn nở	Bóng nong mạch vành không dẫn nở, dùng để nong sau khi đặt stent. Chất liệu Nylon OptiLEAP với hệ thống mang bóng Bi-Segment. Kích cỡ: đường kính 2.0-6.0mm; chiều dài 6-30mm. Tip profile siêu nhỏ 0.017", Crossing profile 0.031", Marker làm bằng Platinum	Cái	100
219	TM-21	Ổng thông can thiệp mạch vành	Ổng thông can thiệp mạch vành loại cứng có sợi đan 2x4. Loại 6F có Lumen rộng 0.070". Đủ các dạng đầu cong	Cái	350
220	TM-22	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus	Giá đỡ nong mạch vành chất liệu Platinum Chromium (PtCr) có tẩm thuốc Everolimus, với 100µg/cm ² và PVDF-HFP Polymer, thời gian phóng thích thuốc hoàn toàn là 90 ngày. - Có độ dày stent: 0.081 mm đến 0.086 mm - Lesion entry profile: 0.45mm - Kích cỡ: Đường kính: 2.25- 4.0mm. Chiều dài: 8 - 38mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	40

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
221	TM-23	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Everolimus có Polymer tự tiêu	Chất liệu Platinum Chromium có tâm thuốc Everolimus, có Polymertự tiêu hoàn toàn, khung stent mỏng, có bề dày 0.0029". Kích cỡ: đường kính: 2.25-4.0mm, chiều dài 8-48mm, có hệ thống bóng dual layer PEBAX, hệ thống mang stent Bi-Segment	Cái	75
222	TM-24	Ổng thông siêu âm lòng mạch có tần số 40MHz	Dụng cụ siêu âm lòng mạch, có tần số hoạt động 40MHz cho hình ảnh sắc nét. Chất liệu dây phủ lớp ái nước Bio-Slide. Chiều dài hữu dụng 135cm. Dùng cho máy siêu âm lòng mạch ILAB	Cái	80
223	TM-25	Ổng thông siêu âm lòng mạch có tần số 60MHz	Dụng cụ siêu âm lòng mạch 5F, 6F, có tần số hoạt động 60MHz cho hình ảnh HD. Chất liệu dây phủ lớp ái nước Bio-Slide. Chiều dài hữu dụng 135cm. Dùng cho máy siêu âm lòng mạch ILAB	Cái	5
224	TM-26	Dụng cụ trượt dùng cho dụng cụ siêu âm lòng mạch	Dụng cụ trượt dùng cho dụng cụ siêu âm lòng mạch của máy ILAB. Chất liệu nhựa plastic, chiều dài 100mm	Cái	100
225	TM-27	Dây dẫn dùng trong can thiệp tim mạch	Dây dẫn can thiệp mạch vành ái nước, độ cứng trung bình hoặc độ cứng cao dạng Chất liệu Nitinol phủ Polymer. Chiều dài 185cm và 300cm	Cái	50
226	TM-28	Bóng cắt	Bóng nong mạch vành phủ lớp ái nước Z-Glide có dao cắt có từ 3-4 lưỡi dao, độ cao của dao 0.005". Chiều dài: 6 mm đến 15 mm. Đường kính: 2.0 mm đến 4.0 mm.	Cái	20
227	TM-29	Ổng thông dùng trong can thiệp tim mạch	Ổng thông mở rộng đi sâu vào động mạch vành có chiều dài 25cm và 40cm, chiều dài của shaft 125cm,. Các size 6F, 7F, 8F và 6F long. phủ lớp ái nước Z-glide, cổ nối xoắn ốc bằng Platinum Iridium	Cái	50
228	TM-30	Bơm tiêm 10 ml vật liệu polycarbonate có đầu xoáy , 7 màu để lựa chọn, dùng trong tim mạch can thiệp	Bơm tiêm 10ml - Bơm tiêm có đầu luer lock dùng trong can thiệp mạch máu - Vật liệu làm bằng Polycarbonate chịu áp lực tốt dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong - Đầu xoáy luer loại Fixed Male Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	500
229	TM-31	Dây dẫn đường đầu cong bằng kim loại các loại.	Dây dẫn chẩn đoán - Lõi làm bằng thép không gỉ dùng trong thủ thuật chẩn đoán. - Công nghệ phủ PTFE (pre-coating) - Flush Hoop: thiết kế cải tiến, đơn giản hoá việc xả dây - Đầu dây dạng chữ J: 3 mm. - Kích cỡ 0.035" dài 150cm và 260cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	600

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
230	TM-32	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay làm bằng chất liệu polyethylene và Polypropylene có kèm dây dẫn mini, các cỡ.	Dụng cụ mở đường quay (sheath Introducer) 4F, 5F, 6F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Kích cỡ 4F, 5F, 6F; chiều dài 7 cm hoặc 11 cm (tùy mã các sản phẩm) - Có Guirewire kèm theo bằng thép không gỉ, có đầu cong hình J, đường kính 0.018", chiều dài từ 40cm - Có kèm theo kim chọc mạch 21Gx4cm, có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhãn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	500
231	TM-33	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi dài 11 cm, chất liệu polyethylene và polypropylene có kèm dây dẫn 0.038", các cỡ.	Dụng cụ mở đường đùi (Sheath) 5F, 6F, 7F, 8F - Chất liệu polyethylene - Hemostasis valve ngăn chặn máu rò rỉ - Đủ các cỡ 5F, 6F, 7F, 8F dài 11cm - Có kèm theo kim chọc mạch 18Gx7cm, kèm dây dẫn bằng thép không gỉ đầu cong J, đường kính 0.038", chiều dài 50cm - Có khóa 3 ngã - Có Rotating Suture Ring xoay quanh thiết bị bề mặt nhãn, độ mở lớn. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	60
232	TM-34	Ống thông chẩn đoán mạch vành các loại chất liệu Nylon Pebax có bên sợi thép không gỉ đường kính trong lớn nhất	Ống thông chẩn đoán mạch vành - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Loại wire -braided có thân bằng chất liệu thép không gỉ bên giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái - Đầu tip cân quang và có khả năng nhớ hình tốt - Có các loại JL, JR, AL, AR - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 100cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F - Dùng được với guide wire 0.038" - Chịu áp lực dòng chảy cao 1,200 psi/ 81.6 bar Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	500

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
233	TM-35	Ống thông chẩn đoán mạch máu đa chức năng chất liệu nylon bền sợi thép không gỉ	Ống thông chẩn đoán mạch vành đa chức năng Multi Purpose - Chất liệu Nylon Pebax giúp bề mặt dụng cụ nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, chống gãy gập tốt, thành ống mỏng. - Có đường viền bên giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái. - Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt. - Có các loại Multi A1, Multi A2. - Loại có lỗ bên hoặc không có lỗ bên - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 80cm, 100cm - Đường kính trong 0.042"/1.07mm loại 4F, 0.046"/1.17mm loại 5F - Dùng được với guide wire 0.038" - Chịu áp lực 1200 PSI. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
234	TM-36	Ống thông chẩn đoán Pigtail dạng đuôi heo chất liệu nylon bền sợi kim loại các loại thẳng, loại cong 145 độ-155 độ	Ống thông chẩn đoán mạch vành dạng đuôi heo - Chất liệu Nylon Pebax nhẵn, trơn, bền ở nhiệt độ cơ thể, thành ống mỏng. - Có đường viền bên giúp thân ống thông giữ được hình dáng tốt, dễ lái, - Đầu tip cân quang tốt, khả năng nhớ hình tốt. - Đủ các kích cỡ 4F, 5F dài 80cm, 90cm, 110cm - Có các kiểu đầu: pigtail thẳng hoặc pigtail cong 145o (tùy mã sản phẩm) - Dùng được với guide wire 0.038" - Chịu áp lực 1200 PSI (81.6 Bar) Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	15
235	TM-37	Dây dẫn can thiệp tim mạch ái nước có trợ lực xoay	Dây dẫn ái nước có lõi Nitinol có lớp áo polyurethane và lớp áo ái nước giúp dễ lái vào các chỗ tổn thương khó, an toàn. - Dây dẫn có trợ lực tốt theo tỷ lệ 1:1 - Bề mặt dây được phủ bởi lớp gel hydrated đàn hồi giúp tối ưu sự trơn tru và độ bền trong lúc can thiệp. - Đủ các kích cỡ 0.035" chiều dài 150cm, 260cm, loại đầu cong chữ J Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
236	TM-38	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi ,đầu tip với công nghệ Laser , thiết kế 3 nếp gấp thuận lợi cho việc thu bóng	Bóng đa lớp, chất liệu Pebax, semi- compliance Đầu tip siêu nhỏ, không điểm chuyển tiếp Công nghệ Slim Seal giúp giảm tiết diện đầu tip. Bóng được thiết kế 3 nếp gấp (tri-fold design) giúp thu bóng dễ dàng. Tip entry profile: 0.017". Crossing profile 0.021". RX Notch: 0.033" Cặp điểm đánh dấu tungsten mềm dẻo (riêng các chiều dài 6mm và các đường kính 1.2 - 1.5 mm chỉ có 1 điểm đánh dấu) Ống hypotube được thiết kế theo công nghệ Skive Trục bóng được phủ lớp ái nước kép (dual hydrophilic) Áp suất định danh: 8 atm, áp suất tối đa: 14 atm Kích thước : đường kính 1.2 - 2.0 mm, chiều dài 6 - 30 mm. Chiều dài chóp bóng: 3 mm. Chiều dài trục bóng 143 cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	150
237	TM-39	Bóng nong mạch vành áp lực cao, không đàn hồi , đầu tip bo tròn	Chất liệu Pebax, non – compliance Đầu tip hình chóp được thiết kế bo tròn Công nghệ Crossflex giúp bóng linh hoạt và khả năng kiểm soát bóng tốt hơn. Bóng đa lớp, bề mặt phẳng và giảm thiểu tỉ lệ “dog- boning” Bóng được thiết kế 3 nếp gấp (tri-fold design) Tip entry profile: 0.018" Cặp điểm đánh dấu tungsten mềm dẻo Ống hypotube được thiết kế theo công nghệ Skive Trục bóng được phủ lớp ái nước kép (dual hydrophilic) Áp suất định danh: 12 atm, áp suất tối đa: 18 atm Kích thước: đường kính 1.5 - 5.0 mm, chiều dài 6 - 25 mm. Chiều dài chóp bóng: 3 mm. Chiều dài trục bóng 143 cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	140
238	TM-40	Dây dẫn can thiệp mạch vành mềm , có phủ hydrophilic có điểm đánh dấu cân quang cách đầu tip 3cm	Lõi đoạn gần phủ lớp chống thấm nước hydrophobic Lõi đoạn xa làm bằng chất liệu ELASTINITE NITINOL, phủ lớp ái nước hydrophilic Lõi parabol không điểm chuyển tiếp RESPONSEASE Thiết kế đầu tip: Core-To-Tip Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 0.8 g Lõi Radiopaque dài 3 cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	150

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
239	TM-41	Dây dẫn can thiệp mạch vành mềm, có lõi Durastell	Lõi DURASTEEL phủ lớp Full Polymer và lớp ái nước hydrophilic Lõi hình parabol không điểm chuyển tiếp RESPONSEASE Thiết kế đầu tip: Core-to-Tip Chiều dài dây dẫn: 190 cm, Tip load: 1.5 g Lõi Radiopaque dài 3cm Có điểm đánh dấu Gold Maker cách đầu tip 4.5cm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	70
240	TM-42	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus khung được làm từ hợp kim Cobalt-Chromium có chiều dài từ 8mm đến 38mm.	1/ Phủ thuốc Everolimus với độ giải phóng thuốc 100 µg/cm ² (tương đương 1µg/mm ²). 2/ Chiều dài hệ thống 145cm. 3/ Khung giá đỡ thiết kế công nghệ Multi-link, so le mỗi vòng 3-3-3, được làm từ hợp kim Cobalt-Chromium 4/ Bóng trong Stent với thiết kế đa lớp được làm từ chất liệu Pebax. 5/ Đầu Tip được thiết kế với công nghệ CPS giúp lái stent đi vào trung tâm mạch máu. 6/ Phủ lớp tương thích sinh học flouropolymer vĩnh cửu giúp liên kết chặt chẽ với albumin để giảm sự hình thành huyết khối, có thể ngưng thuốc chống tích tập tiểu cầu sau 1 tháng. 7/ Crossing profile ≤ 0.0425". 8/ Áp suất nong bóng: từ 10 đến 18 atm 9/ Kích thước: đường kính 2.5 - 4.0 mm, chiều dài từ 8 - 38 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA của Hoa Kỳ.	Cái	100
241	TM-43	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Everolimus khung được làm từ hợp kim Cobalt-Chromium được thiết kế so le mỗi vòng 3-3-3, chiều dài từ 8mm đến 48mm.	1/ Phủ thuốc Everolimus với độ giải phóng thuốc 100 µg/cm ² (tương đương 1µg/mm ²). 2/ Chiều dài hệ thống 145 cm. 3/ Bóng trong Stent với thiết kế đa lớp được làm từ chất liệu Pebax. 4/ Phủ lớp tương thích sinh học flouropolymer vĩnh cửu giúp liên kết chặt chẽ với albumin để giảm sự hình thành huyết khối. 5/ Khung giá đỡ thiết kế công nghệ Multi-link, so le mỗi vòng 3-3-3, được làm từ hợp kim Cobalt-Chromium. 6/ Có thể ngưng thuốc chống tích tập tiểu cầu sau 1 tháng. 7/ Crossing profile 0.0425". 8/ Áp suất nong bóng: từ 10 đến 18 atm 9/ Kích thước: đường kính 2.25 mm , chiều dài 15 - 28 mm; đường kính 2.5 - 4.0 mm, chiều dài từ 15 - 48 mm. Đạt tiêu chuẩn chất lượng FDA của Hoa Kỳ.	Cái	90

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
242	TM-44	Dây đo áp lực , chất liệu PVC, chất liệu không co giãn, chiều dài 15-244 cm.	Dây đo áp lực - Vật liệu làm bằng PVC, Rigid - Đầu gắn dạng female luer cố định - Đầu xa dạng male cố định - Chiều dài: 30cm và 152cm, (12" và 60"). Đạt tiêu chuẩn FDA.	Cái	400
243	TM-45	Bóng nong mạch vành bán đàn hồi : đầu tip với công nghệ Laser , bóng CrossFlex đa lớp, thiết kế 3 nếp gấp thuận lợi cho việc thu bóng , trục bóng kiên cố, trục xa có phủ lớp ái nước hydrophilic. Kích thước đường kính từ 1.2mm đến 4.0mm, chiều dài từ 6mm đến 30mm.	Bóng đa lớp, chất liệu Pebax, semi- compliance Đầu tip trơn gọn, được thiết kế bo tròn. Công nghệ Laser giảm tiết diện đầu tip giúp bóng dễ dàng di chuyển qua tổn thương phức tạp. Công nghệ CrossFlex đa lớp (gồm nhiều lớp bóng được ép chặt lại với nhau nhưng vẫn đảm bảo độ đàn hồi và tính linh hoạt của bóng khi đi qua những mạch máu xoắn) giúp tăng sự linh hoạt và khả năng kiểm soát bóng Bóng được thiết kế 3 nếp gấp (tri-fold design) giúp thu bóng dễ dàng. Tip entry profile: 0.017". Crossing profile 0.021". RX Notch: 0.033" Cặp điểm đánh dấu tungsten mềm dẻo dễ dàng di chuyển qua những mạch máu xoắn (riêng các size 1.2 - 1.5 x 6 mm chỉ có 1 điểm đánh dấu) Ống Hypotube được thiết kế với công nghệ Skive: một phần của ống Hypotube được dát bỏ một bên, kết nối xuyên suốt ống hypotube và trục xa, tạo nên một trục bóng không điểm chuyển tiếp chống xoắn gập, giúp tăng lực đẩy và kiểm soát tốt hơn khi đi qua những sang thương khó Trục bóng được phủ lớp ái nước kép (dual hydrophilic) giúp di chuyển trơn tru qua những ca phức tạp Áp suất định danh: 8 atm, áp suất tối đa: 14 atm Kích thước: đường kính 1.2 - 4.0 mm, chiều dài 6 - 30 mm Chiều dài chóp bóng: 3 mm. Chiều dài trục bóng 145 cm.	Cái	100

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
244	TM-46	Bóng nong mạch vành áp lực cao, không đàn hồi : đầu tip bo tròn, bóng CrossFlex thiết kế đa lớp với tiết diện phẳng chịu được áp lực nong cao, công nghệ Wrapping giúp bóng quấn lại chặt hơn, có cặp điểm đánh dấu Radiopaque. Kích thước đường kính từ 2.0 mm đến 4.5mm, chiều dài từ 8 mm đến 25 mm.	Chất liệu Pebax, non – compliance Đầu tip được thiết kế bo tròn. Tip entry profile nhỏ giúp bóng di chuyển dễ dàng qua các mắc stent Công nghệ CrossFlex đa lớp (gồm nhiều lớp bóng được ép chặt lại với nhau nhưng vẫn đảm bảo độ đàn hồi và tính linh hoạt của bóng khi đi qua những mạch máu xoắn) giúp tăng sự linh hoạt và khả năng kiểm soát bóng Bóng đa lớp, bề mặt phẳng, công nghệ bóng độc quyền giúp lực giãn nở tập trung và vị trí nong bóng chính xác. Công nghệ Wrapping giúp thu bóng dễ dàng. Cặp điểm đánh dấu tungsten mềm dẻo dễ dàng di chuyển qua những mạch máu xoắn Ống Hypotube được thiết kế với công nghệ Skive: một phần của ống Hypotube được dát bỏ một bên, kết nối xuyên suốt ống hypotube và trục xa, tạo nên một trục bóng không điểm chuyển tiếp chống xoắn gập, giúp tăng lực đẩy và kiểm soát tốt hơn khi đi qua những sang thương khó Trục bóng được phủ lớp ái nước kép (dual hydrophilic) giúp di chuyển trơn tru qua những ca phức tạp Áp suất định danh: 12 atm, áp suất tối đa: 18 atm Kích thước: đường kính 2.0 - 4.5 mm, chiều dài 8 - 25 mm Chiều dài chóp bóng: 3 mm. Chiều dài trục bóng 143 cm	Cái	100
245	TM-47	Bóng nong mạch vành áp lực cao loại 12atm	* Bóng áp lực cao: NP 12 atm, RBP (áp lực vỡ bóng) 20 atm. * Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm, chiều dài từ 6.0mm đến 30mm. * Vật liệu làm bóng Nylon Blend giúp bóng chịu áp lực tốt, thành bóng mỏng hơn hỗ trợ tốt trong những trường hợp tổn thương khó canxi hoá. Thời gian xả bóng trung bình 3s. * Đầu Ultra-low tip profile 0.016" được thiết kế khá mềm mại, có lớp phủ durable hydrophilic coating (HYDRAX). * Định vị bằng hai marker metallic Platinum Iridium . * Chất liệu đàn hồi (compliance) : 7% max.	Cái	120
246	TM-48	Bóng nong mạch vành áp lực thường không ái nước	* Đầy đủ kích thước đường kính từ 1.25 mm tới 5.0mm, chiều dài từ 10mm đến 40mm. * Entry profile nhỏ 0.016". * Crossing profile nhỏ nhất 0.026". * Thiết kế mới với 2 trục xa: 2.6F cho bóng nhỏ $\leq 3\text{mm}$ và 2.7F cho bóng lớn $\geq 3.25\text{mm}$. * Thời gian xả bóng trung bình <3s. * Có lớp phủ durable hydrophilic coating (HYDRAX) giúp đi qua tổn thương dễ hơn và không gây tổn thương thành mạch. Thiết kế hai marker Pt/Ir dễ nhận diện hơn. * Chất liệu bán đàn hồi (semi-compliance): 10-15%	Cái	120

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
247	TM-49	Bộ bơm bóng MAC-20 loại xoắn vặn	* Gia tăng áp lực chính xác đến 30ATM. * Chất liệu polycarbonate trong suốt, dễ kiểm soát và đuổi bọt khí. * Đầu nối chữ Y có van cầm máu, có đường kính rộng đến 9F. * Bộ bao gồm: bơm bóng, Y-connector, Torquer, Insertion tool)	Cái	300
248	TM-50	Bộ hút huyết khối động mạch vành Capturer kích cỡ 6F và 7F, lớp phủ PTFE trong lòng.	* Thiết kế đầu Tip thông minh hai đầu giúp hút được nhiều huyết khối hơn. * Lớp bên trong bằng PTFE inner layer. * Lớp phủ durable Hydrophilic (HYDRAX). * * Rapid exchange length: 17.5 cm. * Lưu lượng hút lớn 6F = 0.99 mm² - 7F = 1.39mm². * Có 2 RO marker đầu tip giúp định vị tốt, duy nhất hiện nay.	Cái	40
249	TM-51	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Palitaxel	* Bóng phủ thuốc Paclitaxel loại Essential Pro. * Cỡ từ 1.5 đến 4.5mm dài 10 - 40mm. * Công nghệ TransferTech nanotechnology. * Lớp phủ proprietary hydrophilic coating Hydrax plus. * Bóng đạt được áp lực cao RPB 16 atm. * 2 Pt/Ir radiopaque markers.	Cái	20
250	TM-52	Stent nong mạch vành phủ thuốc các loại các cỡ	* Stent phủ thuốc Sirolimus, chất liệu CoCr L605. * Công nghệ phủ Nanodrop TransferWise giúp thời gian giải phóng thuốc lâu hơn. * Đường kính từ 2.0mm đến 4.5mm, chiều dài từ 9mm đến 39mm, 49mm. * Polymer tự tiêu dạng 3 lớp Biostable fluorinated acrylate giúp tối ưu hoá việc giải phóng thuốc 1.4 µg/mm² * Stent Strut nhỏ 75µm - 85µm. * Có lớp phủ durable hydrophilic coating (HYDRAX). * Chất liệu bóng của stent bằng Nylon và Pebax. * Định vị bằng 2 marker Platinumium Iridium (Pt-Ir)	Cái	90
251	TM-53	Dây nối áp lực chịu áp lực cao, dài 25cm	* Chất liệu Poly urethane chịu áp lực cao chống gập góc. * Chịu được áp lực đến 1200 psi (83 BAR) * Dài 25cm	Cái	300
252	TM-54	Dây nối chụp buồng thất, chịu áp lực thường, dài 50-120cm	* Chất liệu Poly urethane chịu áp lực cao chống gập góc. * Chịu được áp lực đến 500 psi * Dài 50cm đến 120cm	Cái	300
253	TM-55	Bộ manifold 3 cổng có màu đánh dấu	* Bộ manifold bao gồm: manifold 3 cổng có màu, dây theo dõi áp lực, dây truyền dịch, dây truyền thuốc cân quang. * Manifold chất liệu polycarbonate, có van 1 chiều ở cổng bơm thuốc cân quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lây nhiễm chéo.	Cái	300

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
254	TM-56	Dây dẫn đường có lớp ái nước polymer hydrophilic, chất liệu Polyurethane.	- Mô tả: Dây dẫn đường chụp mạch phủ lớp ái nước polymer hydrophilic, lớp lõi hợp kim Nickel titanium siêu dẻo cải thiện khả năng chống gấp gáp. - Lớp ngoài là Polyurethane. - Kích cỡ: đường kính 0.025", 0.032", 0.035". Hình dạng đầu Tip: đầu cong, đầu chữ J, đầu thẳng (Straight, Angle, J-Curve) - Dài 150cm, 180cm, 200cm. - Tiêu chuẩn kỹ thuật: đầu tip siêu mềm dẻo, linh hoạt, độ trơn hoàn hảo.	Cái	300
255	TM-57	Ống thông chẩn đoán Angiostar (catheter), chất liệu Polyamide	- Mô tả: Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép. - Chất liệu lớp trong và lớp ngoài ống thông: Polyacetal / Polycarbonate- Nylon. - Đầu shape bằng : Polyamide. - Đủ các loại kích cỡ: 5F-6F, dài 100cm và 110cm. - Đường kính (trong/ngoài) : 1.10mm/1.67mm loại 5F và 1.3mm/2.0mm loại 6F. - Có các loại : JL, JR, AL, AR, IMA, PT, ... - Tương thích guidewire 0.035" và 0.038".	Cái	200
256	TM-58	Ống thông chẩn đoán Angiostar mạch quay đa năng chụp được trái và phải, chất liệu Polyamide	- Mô tả: Ống thông chụp mạch vành có cấu trúc lưới kép. - Chất liệu lớp trong và lớp ngoài ống thông: Polyacetal / Polycarbonate- Nylon. - Đầu shape bằng : Polyamide. - Đủ các loại kích cỡ: 5F-6F, dài 100cm. - Đường kính (trong/ngoài) : 1.10mm/1.67mm loại 5F và 1.3mm/2.0mm loại 6F. - Có các loại : LRB35, LRB40, LRB45. - Tương thích guidewire 0.035" và 0.038".	Cái	200
257	TM-59	Bóng nong áp lực thường với Sub-zero tip 0.0164 inch và ống P-Tech	Chất liệu bóng: Nylon Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.0216 inch (Ø1 mm), 0.0306 inch (Ø3 mm) Đầu tip thuôn sát, tiết diện (tip entry profile): 0.0164 inch (Ø1 mm) Thiết kế ống P-Tech tăng lực đẩy & chống xoắn vặn Đường kính bóng: 1 – 4 mm. Chiều dài bóng: 5 – 30 mm. Áp lực thường: 6 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 14 - 16 atm Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm. Số nếp gấp bóng: 2-3	Cái	120

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
258	TM-60	Bóng nong áp lực cao với Z-tip và đường kính thân bóng 0.0336", kiểm soát độ giãn nở tốt	Thiết kế đầu bóng Z-tip bám sát dây dẫn. Bóng kiểm soát độ giãn nở tốt với tỷ lệ tăng giãn nở thấp nhất tại mỗi lần bơm bóng Chất liệu bóng: Nylon Đường kính thân bóng 0.0336 inch (Ø 3.0 mm) Lớp phủ ái nước (đầu tip đoạn xa đến exit marker của dây dẫn), Lớp phủ kháng nước (lòng trong ống) Số nếp gấp bóng: 3- 5 Đường kính bóng: 1.75 – 5 mm. Chiều dài bóng: 8 – 18 mm. Áp lực thường: 12 atm. Áp lực gây vỡ bóng: 18, 20 atm. Chiều dài khả dụng của ống thông: 140 cm. Số nếp gấp bóng: 3-5	Cái	120
259	TM-61	Bóng nong mạch vành dây dẫn kép (dây đỉnh kèm nitinol 0.011"), RBP lên tới 20 atm	Hệ thống dây dẫn kép (dây dẫn đỉnh kèm bằng Nitinol 0.011") nong bóng tập trung lực hiệu quả. Chất liệu bóng: Nylon Số nếp gấp bóng: 3 Lớp phủ: ái nước ở đoạn xa và đầu tip, kháng nước trong lòng ống và bóng Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.034 inch (Ø 3.0 mm). Chiều dài đầu tip: 11 mm Đường kính bóng: 1.75 - 4 mm. Chiều dài: 10, 15, 20 mm. Áp lực thường: 12 atm. Áp lực vỡ bóng: 20 atm.	Cái	20
260	TM-62	Vi dây dẫn can thiệp CTO với cấu trúc vòng xoắn kép ACT ONE, tip load 0.3 - 12 gf	Dây dẫn đơn lõi one-piece core/ đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phân hồi momen xoắn và chống giứt. Tip load từ 0.3 - 12 gf hỗ trợ rất tốt cho các trường hợp can thiệp CTO. Lớp phủ: silicon, SLIP-COAT hoặc SLIP-COAT trên nền polymer. Đầu tip: straight, J, pre-shape. Chiều dài: 180, 190, 300 cm	Cái	100
261	TM-63	Vi dây dẫn can thiệp mềm với cấu trúc vòng xoắn kép ACT ONE, tip load 0.5, 0.7 & 0.8 gf	Dây dẫn đơn lõi one-piece core/đa lõi theo công nghệ ACT ONE (thiết kế vòng xoắn kép) tăng độ bền đầu tip, khả năng phân hồi momen xoắn và chống giứt. Lớp phủ: silicon hoặc SLIP-COAT. Tip load: 0.5 gf, 0.7gf, 0.8 gf. Đầu tip: straight, J. Đường kính: 0.014 inch. Chiều dài: 180 cm / 165 cm (extension wire)	Cái	550

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
262	TM-64	Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép Sirolimus & Anti CD34 chủ động làm lành lòng mạch	Stent phủ thuốc sirolimus trên nền polymer sinh học tự tiêu kết hợp với lớp kháng thể anti CD-34 chủ động làm lành lòng mạch. Hàm lượng thuốc: 5.0 microgram/mm. Chất liệu: thép không gỉ 316L Bề rộng stent: 90 µm. Độ dày stent: 100 µm Kích thước tối đa của mắc cáo trên stent: 4.5 mm Tiết diện (stent profile): 0.0361 inch/ 0.91 mm Lớp phủ: ái nước Hydro-X Đường kính: 2.5 - 4.0 mm. Chiều dài: 9 – 38 mm. Đường kính 2.5-2.75mm nong lên tối đa 3.25 mm Đường kính 3.0-4.0mm nong lên tối đa 4.5 mm Thử nghiệm lâm sàng trên 9600 bệnh nhân. CE chứng nhận khả năng rút ngắn thời sử dụng DAPT linh hoạt cho bệnh nhân ổn định và bệnh nhân ACS	Cái	50
263	TM-65	Ống thông 2 nòng (RX/OTW) có thiết kế ống hình bầu dục	- Ống thông 2 nòng (1 nòng OTW và 1 nòng RX dài 20 cm) thích hợp cho mạch nhánh và tổn thương CTO. - Ống thông gồm 2 lõi thép không gỉ chống xoắn. - Chiều dài từ đầu tip tới OTW port dài 6.5 mm. - Lớp phủ ái nước L coating 380 mm - Thiết kế ống hình bầu dục 3.3 Fr x 2.5 Fr - Đường kính ngoài (tip/ distal): 1.5/ 2.5 - 3.3 F. - Chiều dài: 145 cm.	Cái	15
264	TM-66	Vi ống thông hỗ trợ ca CTO với đầu tip 1.3 F, thiết kế ống Shinka	- Corsair Pro có thiết kế ống Shinka: lõi ống được bện từ 10 dây dẫn bằng thép không gỉ giúp thao tác vừa xoay vừa đẩy. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. - Đầu tip thuôn mềm, đường kính 1.3F - Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.8, 2.6 F. - Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm - Corsair Pro XS Thiết kế trục mới với lõi ống được bện từ 14 dây dẫn bằng thép không gỉ và đầu tip linh hoạt tạo điều kiện tiếp cận từ xa trong quá trình tiếp cận ngược dòng. Có bảo vệ hình xoắn ốc tăng tính chống xoắn giúp bảo vệ thân ống. - Đầu tip thuôn mềm, đường kính 1.3F - Đường kính ngoài (prox/ distal): 2.9, 2.1 F. - Lớp phủ hydrophilic tính từ đầu tip: 700 mm (dây 135cm)/ 850 mm (dây 150 cm). - Chiều dài khả dụng: 135, 150 cm	Cái	10

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
265	TM-67	Ống thông can thiệp với đường viên henka; 6,7&8F, đầu tip urethane viên tròn	Thiết kế ống Hyper chống biến dạng ống dưới nhiệt độ, độ ẩm cao. Đường viên Henka có độ cứng ống giảm dần từ đoạn gần tới đầu tip. Đầu tip viên tròn, mềm dẻo (urethane) hiển thị tốt. Lòng trong ống rộng: 6F (1.80mm/ 0.071"), 7F (2.05mm/ 0.081"), 8F (2.28mm/ 0.090") được phủ lớp PTFE. Đường kính ngoài: 2.09, 2.4, 2.7 mm (6, 7, 8 F). Các loại shape: JL, JR, AL, SAL, AR, HS, IM, PB, SC, SPB, MP Chiều dài khả dụng: 100cm.	Cái	150
266	TM-68	Bộ bơm bóng áp lực cao và bộ kết nối chữ Y	_ Dung tích: 20ml, Áp lực 30atm, 40atm _ Chất liệu Polycarbonate, chịu được áp lực tốt. _ Mặt đồng hồ áp lực gập góc, phát quang, dây áp lực cao kích thước 12", áp lực lên đến 1200psi _ Bộ kết nối chữ Y dạng Push-click, có áp lực lên đến 1200 psi. _ Bộ bơm bóng gồm: kết nối chữ Y, khóa 3 chạc, dây mở rộng 25cm, dụng cụ chèn 21G, torquer 0.014"/0.035". _ Hạn dùng: 36 tháng	Bộ	900
267	TM-69	Bơm tiêm thuốc cân quang	_ Bơm tiêm thuốc cân quang Polycarbonate không chứa latex _ Dung tích: 6,8,10,12ml _ Thân ống trong suốt, ánh tím, dễ dàng nhận thấy dòng chảy và bọt khí bên trong _ Đầu tip luer lock hoặc xoay đảm bảo an toàn đầu nối. _ Hạn dùng: 36 tháng	Cái	1000
268	TM-70	Băng ép cầm máu mạch đùi và mạch quay	_ Băng ép cầm máu cong hoặc bóng ép _ Có van điều chỉnh áp lực giúp tăng giảm áp lực dễ dàng cho việc cầm máu _ Ống tiêm dung tích 20ml đi kèm băng ép dạng bóng ép _ Kích thước 18cm, 22cm, 26cm _ Hạn dùng: 36 tháng	Cái	10
269	TM-71	Dây dẫn áp lực cao	_ Dây bơm thuốc áp lực cao bằng vật liệu Polyurethane, được bền, áp lực tối đa dòng chảy 1200psi. _ Chiều dài từ 30cm-150cm _ Cổng kết nối dạng luer lock hoặc dạng xoay. _ Hạn dùng: 36 tháng	Cái	300
270	TM-72	Bộ kit kết nối 3 cổng	_ Bộ kết nối Manifold chất liệu Polycarbonate đường kính 0.093". _ Áp lực truyền lên tới 500 PSI có 2, 3 cổng phù hợp với các mục đích sử dụng khác nhau. Cổng xoay phải/trái On hoặc Off _ Hạn dùng: 36 tháng	Bộ	200

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
271	TM-73	Stent động mạch vành phủ thuốc các loại, các cỡ	_ Stent lõi Co-Cr(L605), thành Stent mỏng 60µm nền tảng Tetrinium, thúc đẩy hình thành nội mô, giảm huyết khối. Cấu trúc LDZ-link tăng tính linh hoạt. Phủ thuốc Sirolimus liều lượng 1.4µg/mm². Polymer 3 thành phần: PLLA, PLCL, PVP tự tiêu. Tỷ lệ co lại <4% & rút ngắn 0% (3.0x 16/20mm). Hai marker Pt/Ir trên bóng. Sóng stent 4 crown - 6 crown - 8 crown tùy đường kính đảm bảo sự toàn vẹn cấu trúc stent. _ Đường kính: 2.0-4.5 mm, dài: 8-48mm. NP: 10 atm, RBP: 16 atm _ Hạn dùng 24 tháng.	Cái	50
272	TM-74	Bộ kết nối 3 cổng	Chất liệu polycarbonate, có van 1 chiều ở cổng bơm thuốc cân quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lấy nhiễm chéo. Bộ kết nối bao gồm: đầu nối 3 cổng, dây theo dõi áp lực, dây truyền dịch, dây truyền thuốc cân quang	Bộ	900
273	TM-75	Dây nối chụp buồng thất	Chất liệu polyurethane. Chịu được áp lực đến 1200 psi (84 BAR). Dài 120cm	Cái	20
274	TM-76	Bóng nóng mạch vành loại trung-thường	Chất liệu: Polyamide resin. Tráng phủ Hydrophilic thể hệ mới giúp bóng dễ dàng di chuyển qua những tổn thương phức tạp, đặc biệt trong CTO. Khẩu kính đầu xa : 0.42mm. Khẩu kính bóng : 0.63mm. Đường kính: 1.2 - 3.5mm (có loại .25 và .75). Áp lực tối đa: 14 bar; Áp lực bơm bóng: 6 bar. Thời gian xẹp bóng: 9.6 giây. 2 markers cân quang. Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm	Cái	150
275	TM-77	Ống thông siêu nhỏ 1 nòng	- Chất liệu: Nylon 12 copolymer và Polytetrafluoroethylene - Tráng phủ Hydrophilic bên ngoài tăng khả năng đẩy qua các tổn thương khó. - Lòng trong Catheter tráng phủ FLUORO-RESIN + gia cố với lõi dây bện dễ di chuyển guidewire. - Đa dạng về độ cứng và linh hoạt ở đầu xa, phù hợp với nhiều loại tổn thương khác nhau. - Đường kính đầu tip: 1.4Fr/ 0.46mm (Fx) -1.5Fr/ 0.49mm (Standard) - Chiều dài khả dụng Catheter: 135 - 150cm	Cái	5
276	TM-78	Ống thông siêu nhỏ 2 nòng	- Chất liệu: Polyamide resin và Polyimide - Vi ống thông có hai nòng RX và OTW hoạt động độc lập, chuyên dụng cho can thiệp tổn thương đoạn gần phân nhánh và CTO. - Lòng trong nòng: 0.42mm (0.0165") - Đầu tip thuận siêu nhỏ 0.45mm - Tráng phủ Hydrophilic - Đầu ra nòng OTW tạo góc 5 độ với nòng RX - Hai dấu cân quang 1mm hai bên cổng ra nòng OTW - Guidewire tương thích: 0.36mm (0.014") - Chiều dài khả dụng catheter: 140cm	Cái	15
277	TM-79	Đầu nối	Chất liệu: Polycarbonate. Đầu nối linh hoạt chống xoắn dây khi nối.	Cái	20

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
278	TM-80	Kim catheter CVC 3 nòng	Chất liệu: Polyurethane Dây dẫn 50cm x 0.035", 7F x 15-20-30cm, chất liệu nitinol với dispenser thao tác tiện lợi bằng ngón cái. Van khóa tự động ở mỗi nòng, tiết kiệm thao tác, hạn chế nhiễm trùng, bọt khí. Các nòng được phân biệt bởi màu khác nhau, hạn chế nhầm lẫn. Kỹ thuật Multi-Tube tối ưu dòng chảy ở mỗi nòng mà không phụ thuộc vào đường kính khác nhau của catheter.	Cái	50
279	TM-81	Bóng nong mạch vành áp lực cao 20-23 bar	- Chất liệu: Polyamide resin. - Tráng phủ Hydrophilic thể hệ mới - Áp lực nổ bóng cao vượt trội: 20 - 22 bar; Áp lực bơm bóng: 12 bar - Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.43mm - Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.85mm - Đường kính: 1.5 - 4.5mm (có loại .25 và .75) - Chiều dài: 8, 10, 13, 15, 20, 30mm - Thời gian xẹp bóng: 12 giây - Góc giữa hai vai bóng khi bơm căng đạt 30o - 2 markers cân quang. - Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm - Nếp gấp bóng: 2 nếp (1.5, 1.75mm); 3 nếp (≥ 2.0mm)	Cái	140
280	TM-82	Bóng nong mạch vành đường kính 0.75 mm	Chất liệu: Polyamide resin. - Khẩu kính đầu xa (entry profile): 0.41mm - Khẩu kính bóng (crossing profile): 0.54mm - Tráng phủ Hydrophilic thể hệ mới TR2 giúp bóng di chuyển qua những tổn thương phức tạp đặc biệt trong CTO. - Đường kính nhỏ nhất từ 0.75 - 4.0mm (có loại .25 và .75) - Chiều dài bóng: 4, 6, 10, 15, 20, 30mm - Áp lực tối đa: 14 atm; Áp lực bơm bóng: 6 atm - Markers cân quang: 1 marker (bóng dài 4 và 6mm); 2 markers (các chiều dài khác) - Nếp gấp bóng: 3 gấp - Chiều dài khả dụng Catheter: 146cm	Cái	30
281	TM-83	Stent nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus các cỡ	Chất liệu: hợp kim Cobalt Chromium Thiết kế stent dạng Hybrid . Phủ thuốc: Sirolimus với nồng độ 1.4µg/mm ² . Polymer Protektor™ tương thích sinh học cao. Độ dày thanh stent: 80µm. Khẩu kính đầu tip : 0.017". Khẩu kính : 0.90mm. Áp lực tối hạn: 16 bar; Áp lực bơm bóng: 6 bar. Tùy chọn đường kính: Ø2.25 - 4.5mm. Tùy chọn chiều dài stent: 8, 13, 18, 23, 28, 33, 38, 43, 48mm. Hai markers cân quang định vị ở bóng. Tiêu chuẩn FDA	Cái	30

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
282	TM-84	Bóng nong mạch vành áp lực cao đến 20 atm	- Loại bóng: Bóng nong mạch vành áp lực cao, - Chất liệu: Semi Crystalline Polymer (SCP), - Mấy lớp: Bóng có 3 nếp gấp. - Có phủ ái nước: Có - Áp lực tròn bóng: 14atm - Áp lực vỡ bóng: 20atm - Đường kính trước bơm bóng: Khẩu kính đầu vào (Lesion entry profile) 0.018 inch. - Số điểm cân quang: 2 điểm. - Chiều dài bóng từ: 8mm đến: 30mm - Đường kính bóng từ: 2.0mm đến: 5.0mm - Chứng nhận ISO, CE và FDA và FSC: Switzerland & Australia - Công nghệ phủ đan xen từng phần (patchwork coating) kỵ nước, chống trơn trượt và bung chính xác	Cái	150
283	TM-85	Bóng nong mạch vành đàn hồi	- Loại bóng: Bóng nong mạch vành và cầu nối - Chất liệu: Semi Crystalline Co-Polymer. - Mấy lớp: có 2 nếp gấp đối với đường kính 1.25mm-1.5mm và 3 nếp gấp đối với đường kính 2.0mm - 4.0mm - Có phủ ái nước: Có - Áp lực tròn bóng: 7atm - Áp lực vỡ bóng: 14atm - Đường kính trước bơm bóng: Khẩu kính đầu vào (Lesion entry profile) 0.017 inch. - Số điểm cân quang: 1 chỉ điểm (marker) đối với đường kính 1.25mm - 1.5mm và 2 chỉ điểm (marker) đối với đường kính 2.0mm - 4.0mm - Chiều dài bóng từ: 6mm đến: 30mm - Đường kính bóng từ: 1.25mm đến: 4.0mm, - Chứng nhận ISO, CE và FDA và FSC: Switzerland & Australia - Thân bóng và đầu tip của đường kính 1.25mm - 2.0mm có lớp phủ ái nước xen kẽ - Thân bóng và đầu tip của đường kính 2.5mm - 4.0mm có lớp phủ kỵ nước xen kẽ	Cái	100

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
284	TM-86	Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	- Chất liệu: Cobalt Chromium với lớp phủ kép Biolute và ProBio - Phủ thuốc: Sirolimus. Mật độ: 1.4µg/mm² - Loại Polymer: Tự tiêu - Độ dày khung Stent: 60 µm (0.0024 inch) với đường kính 2.25mm-3.0mm, đường kính 3.5mm - 4.0mm có kích thước thanh stent 80 µm (0.0031 inch) - Chiều dài từ: 9mm đến: 40mm - Đường kính từ: 2.25mm đến: 4.0mm - Chứng nhận ISO, CE và FDA và FSC: Switzerland & Australia - Có thử nghiệm lâm sàng đã đăng trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín (ISI, SCOPUS) cỡ mẫu trên 55,000 bệnh nhân. - Giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus với lớp phủ kép Biolute và ProBio	Cái	70
285	TM-87	Giá đỡ chữa túi phình mạch vành	- Chất liệu: Cobalt Chromium với lớp phủ ProBio - Độ dày khung Stent: 2.5mm, 3.0mm có kích thước 60µm (0.0024 inch); đường kính 3.5mm - 4.0mm có kích thước 80µm (0.0031 inch); đường kính 4.5mm, 5.0mm có kích thước 120µm (0.0047 inch) - Chiều dài từ: 15mm đến 26mm - Đường kính từ: 2.5mm đến: 5.0mm - Chứng nhận ISO, CE và FDA và FSC: Switzerland & Australia - Stent được phủ lớp Silicon Carbide siêu mỏng (PROBIO) và thiết kế đơn lớp (single layer) làm khâu kính nhỏ	Cái	2
286	TM-88	Sten mạch vành có thuốc Amphilimus, có 2 điểm đánh dấu Platinum trên thân sten	Sten mạch vành có thuốc Amphilimus, không Polymer, phủ Bio Inducer Surface, có 2 điểm đánh dấu Platinum trên thân sten	Cái	50
287	TM-89	Stent mạch vành phủ thuốc Biolimus không polymer, khung thép không gỉ.	Giá đỡ mạch vành có phủ thuốc Biolimus A9 không phủ lớp polymer. Công nghệ phủ thuốc trực tiếp trên bề mặt thanh giá đỡ. Hàm lượng thuốc: 15.6µg/mm chiều dài. Đường kính từ 2.25mm đến 4.0mm, chiều dài từ 9mm đến 36mm. Chất liệu: Cobalt Chromium (CoCr). Tiêu chuẩn kỹ thuật: Bề dày thanh giá đỡ ≤ 88µm (thiết kế 9 vành), ≤ 84µm (thiết kế 6 vành). Độ rút ngắn: ≤ 2.29%. Độ co lại đàn hồi: ≤ 3.87%. Đoạn nối S và đoạn nối thẳng. Đường kính mắt cáo ≥ 1.58mm. Tương thích dây dẫn 0.014" và ống thông 5F. Tính chịu lực xuyên tâm > 0.67bar hay 500mmHg. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CE	Cái	55

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
288	TM-90	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus chất liệu Polyamide	Bóng nong mạch vành phủ thuốc Sirolimus, hàm lượng thuốc 1.27µg/mm ² được phủ bằng công nghệ Nano với chất mang thuốc Phospholipid. Chất liệu Polyamide. Đường kính từ 1.5mm đến 4.0mm , chiều dài từ 10mm đến 40mm. Tiêu chuẩn kỹ thuật: Áp lực tròn bóng: 6atm, áp lực vỡ bóng từ 14atm đến 16atm. Tiết diện đầu vào tổn thương ≤0.016". Đường kính trước bơm bóng ≤0.029". Hai điểm đánh dấu cân quang. Tiêu chuẩn chất lượng: có chứng nhận ISO, CE	Cái	25
289	TM-91	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Sirolimus và Probucol , không chứa Polymer, thanh stent dày 55µm - 65µm (các cỡ).	- Phủ thuốc Sirolimus và Probucol tỷ lệ 50:50 bằng công nghệ phủ Abluminal (không polymer); Hàm lượng 1.2µm/mm2. - Thuốc Probucol thay thế chức năng polymer làm chậm quá trình phóng thích Sirolimus. - Stent được thiết kế đầu nối mới hướng tâm, linh hoạt Điểm vết "The Spot". - Độ dày thanh chống stent: Đường kính 2.0 -3.0mm là 55µm, đường kính 3.5 - 4.0mm là 65µm. Chiều dài: 9 mm - 38 mm; - Bề dày lớp phủ 4µm. - Áp lực định danh 10 atm, Áp lực gây vỡ bóng 18atm (đường kính 4.0mm, 15 atm) - Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485	Cái	80
290	TM-92	Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường, chuyên dụng cho CTO	Bóng nong động mạch vành, chất liệu Comax II; - Kỹ thuật gấp bóng là 2, 3, 4 nếp gấp - Đối với bóng có đường kính 1.25mm- 1.5mm: NP 10 atm - RBP 18 atm; từ 2.0mm - 3.5mm: NP 6atm - RBP 15atm và 4mm: NP 6atm - RBP 12atm - Tay cầm đoạn gần: chất liệu thép không rỉ, Ø 1.9F; Tay cầm đoạn xa: Ø 2.5F; - Có kích cỡ chuyên dụng cho các tổn thương CTO: đường kính 1.25mm-1.5mm, RBP 18 atm, bóng cứng, 1 marker cân quang - Đường kính từ 1.25 - 4.0 mm; dài từ 10 - 30mm.	Cái	120
291	TM-93	Stent mạch vành phủ thuốc loại khung hình zigzag	Nguyên vật liệu khung: CoCr (Cobalt Chromium L605). Thiết kế khung stent hình zigzag, thiết kế 6 đỉnh - 3 kết nối giữa các vòng của stent đường kính 2.25- 2.75 mm, thiết kế 8 đỉnh - 4 kết nối giữa các vòng của stent đường kính 3.00-4.50 mm Thuốc phủ: Sirolimus. Liều lượng thuốc: 1.33µg/mm2. Polymer tự tiêu: PLLA/PLGA 50:50. Độ dày lớp phủ: 3-5µm. Dấu cân quang: 02 dấu cân quang Platinum-Iridium. Đường kính: 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00, 4.50 (mm). Chiều dài: 08, 09, 13, 15, 18, 23, 28, 33, 38, 40, 44, 48 (mm). Độ dày thanh chống: 65µm. Chiều rộng khung stent: Ở hai đầu: 85 µm; Đoạn giữa: 70 µm Áp suất danh định: 7 bar.	Cái	70

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
292	TM-94	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus, liều lượng 1.2 µg/mm² Polymer tự tiêu sinh học PLLA/PLGA , độ dày lớp phủ: 3-5 µm Vật liệu Cobalt Chromium L605, thiết kế đóng và mở, kết nối có dạng chữ "U", 6 đỉnh đối với Ø2.00 - 2.75, 8 đỉnh đối với Ø3.00 - 4.50 Độ dày khung stent: 65µm, chiều rộng khung stent 85µm : ở hai đầu và 70 µm:ở đoạn giữa. Đường kính: 2.00, 2.25, 2.50, 2.75, 3.00, 3.25, 3.50, 4.00, 4.50mm Chiều dài: 8, 9, 13, 15, 18, 23, 28, 33, 38, 40, 44, 48 mm. Chiều dài ống thông: 140 cm Chiều dài lòng ống dây dẫn: 25 cm Bóng làm bằng vật liệu Polyamide/Nylon 12 Kích thước thân gần 1.9F, thân xa 2.5-2.9F Số nếp gấp bóng: 3 cánh Biên dạng đầu tip: 0.016" Biên dạng băng qua sang thương ≤0.02" Áp suất danh định 7 bar, áp suất tối hạn tối đa 16 bar	Cái	30
293	TM-95	Khung giá đỡ động mạch vành bọc thuốc Zotarolimus - Cầu trúc lõi kép	Bọc thuốc (Zotarolimus), Polime vĩnh cửu Biolinx, mật độ phủ thuốc: 1.6 µg/mm². Thiết kế giá đỡ mạch vành sử dụng một sợi đơn duy nhất được uốn theo hình sin. Thanh khung giá đỡ cấu tạo lõi kép với lõi trong bằng chất liệu Platinum-Iridium, lớp vỏ ngoài bằng Cobalt. Đánh dấu bắt cân quang bằng Platinum-Iridium. Hệ thống di chuyển Resolute OnyxÁp lực bơm bóng thường 12 atm, áp lực vỡ bóng 18 atm (đường kính 2.0-4.0 mm).. ĐK: 2.25, chiều dài 26 mm. Độ mở rộng đường kính tối đa 3.5 mm. Độ mở rộng mắt cáo tối đa 3.7 mm. Thanh khung giá đỡ dày 81 µm (với ĐK 2.0-4.0). Đường kính thân ống đoạn xa: 0.036 in (ĐK 2.00–4.00 mm))	Cái	50
294	TM-96	Ống thông can thiệp mạch vành	Kích thước: Cỡ 5,6,7,8 Fr. Đường kính trong của cỡ 5F là 0.058", 6F là 0.071", 7F là 0.081", 8F là 0.09". Chiều dài 90cm & 100cm. Hơn 230 loại đầu cong, trong đó bao gồm các loại đầu cong đặc biệt: EBU, NOTO, CHAMP, 3DRIGHT... Kỹ thuật đan lưới lòng ống sử dụng sợi dệt đan kép nằm giữa 2 lớp polime giúp lòng ống rộng hơn và ống di chuyển linh hoạt. Lớp áo ngoài bằng chất liệu Vest-Tech Nylon giúp tăng khả năng bắt cân quang. Đoạn xa ống thông có thể cân chỉnh để phù hợp với hình thái mạch máu.	cái	300

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
295	TM-97	Stent mạch vành CoCr phủ thuốc Sirolimus, có Polymer tự tiêu	- Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium (L605) phủ thuốc Rapamycin (Sirolimus) phối trộn lớp Polymer phân hủy sinh học Polyactide (PLA), thuốc phóng thích trong vòng 4 tuần + Công bệnh độc đáo PEARL Surgace - bề mặt nhám với khoảng một triệu lỗ nhỏ li li trên mỗi cm² diện tích bề mặt, độ sâu 2 µm phủ toàn bộ thân stent, có chức năng như hồ chứa thuốc giúp giảm tỉ lệ tái hẹp bán phần, giúp nhanh liền lạc nội mạc, giảm huyết khối và tái hẹp trong stent - Độ dày thành chống 0,0027" / 68 µm (Ø2.0-2.5mm), 0,0031" / 79 µm (Ø2.75-4.0mm). - Stent bung bằng bóng, trên nền bóng chất liệu Polyamide (Cathy số 4) - Thiết kế thanh stent mỏng với 2 thanh nối linh hoạt trên một đoạn nối, chu vi mắt cáo mở rộng tối đa 18.5mm làm tăng độ linh hoạt và tiếp cận mạch nhánh dễ dàng + Diện tích bề mặt phủ kim loại: 9,1 - 14,9% + Đường kính phần thân gần 1,9 F. Đường kính phần thân xa 2,7 F. + Thiết kế luer trong suốt giúp định vị hệ thống, thân kháng xoắn. + Thiết diện xuyên qua 0,93 mm (Ø 2,5 mm) + Thiết diện đầu vào 0,016" / 0,41mm. - Marker bóng Platinum / Iridium. - NP 11 atm. RBP 16 atm. - Chiều dài khả dụng hệ thống bung stent: 143 cm - Ống thông dẫn đường đường kính trong nhỏ nhất 5 F. + Đường kính stent 2.00, 2.50 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32mm). Đường kính stent 2.75, 3.00, 3.50, 4.00 mm (chiều dài 8, 12, 16, 18, 21, 24, 28, 32, 40 mm). - Đường kính (mm) tối đa của mỗi loại stent khi đạt RBP 16atm: Ø2.0 - Ø2.16, Ø2.5-Ø2.67, Ø2.75 - Ø2.91, Ø3.0 - Ø3.18, Ø3.5-Ø3.71, Ø4.0 - Ø4.26.	Cái	50
296	TM-98	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus khung Cobalt Chromium đầu lớn đầu nhỏ mắt đóng mắt mở cơ chế bung từ giữa thân Stent các cỡ	Chất liệu: Cobalt Chromium L605 Độ dày khung Stent: 65 µm Đường kính Stent: 2.0 - 4.5 mm, Stent đầu lớn đầu nhỏ Chiều dài Stent: 30, 40, 50, 60mm Phủ thuốc: Sirolimus Hàm lượng thuốc: 1.25 µg/mm² Áp lực: 9-16 atm Bóng:: Phần nhô ra < 0.5 mm, Độ dài vai bóng ngắn Mắt cáo: Dạng Hybrid mắt đóng mắt mở. Chiều dài ống thông: 140-142 cm Cơ chế bóng Stent :Bung từ giữa thân Stent.	Cái	40

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
297	TM-99	Stent mạch vành phủ thuốc Everolimus khung Cobalt Chromium (Evermine50 hoặc tương đương), tất cả các cỡ.	Chất liệu: Cobalt Chromium L605 Độ dày khung Stent: 50 µm Đường kính Stent: 2.0 - 4.5 mm, Chiều dài Stent: 8,13,16,19,24,29,32,37, 40,44,48mm Phủ thuốc: Everolimus Hàm lượng thuốc: 1.25 µg/mm2 Áp lực: 9-16 atm Bóng:: Phần nhô ra < 0.5 mm, Độ dài vai bóng ngắn Mất cáo: Dạng Hybrid mất đóng mất mở. Chiều dài ống thông: 140-142 cm Cơ chế bóng Stent :Bung từ giữa thân Stent.	Cái	30
298	TM-100	Stent mạch vành độ dày ≤ 81 µm, phủ thuốc sirolimus	Khung động mạch vành bằng hợp kim cobalt chromium; có độ dày ≤ 81 µm, phủ thuốc sirolimus có trộn với polymer; - Chất liệu CoCr L605. - Chiều dài tối thiểu ≤ 9 mm, chiều dài tối đa ≥ 58mm. - Đường kính (mm): từ 2.25 đến 4.0. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO.	Cái	30
299	TM-101	Bóng nong cắt mạch vành	1. Dùng trong các trường hợp tổn thương phân nhánh, tái hẹp trong stent, mạch máu nhỏ, vôi hóa nặng, tổn thương lỗ mà bóng thông thường bị trượt hoặc không đạt được chuẩn bị tổn thương trước khi đặt stent, loại NSE 2. Nguyên liệu : Catheter RX có bóng bằng Nylon 12 loại bán đàn hồi, có áp lực khác nhau, được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium, bao lớp siêu ái nước, gắn 3 thành tố nylon linh hoạt dọc theo bên ngoài bóng cách nhau 120o. 3. Độ dài catheter 142cm, đường kính bóng 2.0 -> 4.0mm; độ dài bóng 13mm, áp lực thường 6Atm, áp lực vỡ bóng 14Atm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	15

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
300	TM-102	Bóng nong mạch vành áp lực cao	1. Dùng nong chỗ hẹp động mạch vành, nong áp sát khung stent vào thành mạch sau khi đặt stent, loại Powered 3NC 2. Là một catheter có gắn bóng loại RX không đàn hồi bằng Polyamide, được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bởi Platinum và Iridium , bao lớp siêu ái nước, vai bóng dạng hình chuông. 3. Độ dài catheter 143cm, đường kính ngoài trực đoạt gần 2.1F, đoạn xa 2.45/2.6F, đường kính đầu tip 0.016 inch, đường kính bóng từ 2.5 -> 4.0 mm, độ dài bóng 8,10,12,15mm, áp lực thường 12Atm, áp lực vỡ bóng 23Atm (riêng 4.5mm áp lực vỡ bóng 20Atm) 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	70
301	TM-103	Bóng nong mạch vành áp lực thông thường	1. Dùng nong các tổn thương hẹp động mạch vành, loại LAXA 2. Nguyên liệu : Polyether block amide, Là một catheter có gắn bóng loại RX bán đàn hồi, có áp lực khác nhau, được đánh dấu cân quang cả hai đầu bóng bằng Platinum và Iridium , bao lớp siêu ái nước. 3. Độ dài catheter 143cm, đường kính ngoài trực đoạt gần 2.1F, đoạn xa 2.5/2.7F, loại vai bóng thường có 2 maker, loại vai bóng trơn có 1 maker, đường kính: 1.0 -> 3.5mm, độ dài 5 - 20mm. Đường kính đầu tip 0.0160 inch. Cụ thể, bóng đường kính 1.0mm có độ dài bóng 5mm , đường kính bóng: 1.3,2.0,2.5mm có độ dài bóng 10mm; Đường kính bóng: 1.5,2.0,2.5,2.75,3.0,3.5mm có độ dài bóng 12,15,20mm. Áp lực thường 6Atm, Áp lực vỡ bóng 14 Atm 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	50
302	TM-104	Ống thông hỗ trợ can thiệp mạch vành	1. Dùng để hỗ trợ đưa các dụng cụ can thiệp mạch vành đến các tổn thương khó tiếp cận, loại GuidePlus II ST 2. Dụng cụ gồm : một đầu tip, trục xa, trục bảo vệ gần được làm bằng dây thép 3. Độ dài ống thông 145cm, bao lớp thân nước, đường kính trong 1.33mm, độ dài trục đoạn xa 25cm, đánh dấu tại vị trí 900mm và 1000mm so với đầu tip, phù hợp với ống thông can thiệp 6F 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, CFS 5. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	30

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
303	TM-105	Dụng cụ bắt dị vật 3 vòng	1. Được thiết kế 3 vòng, sử dụng trong hệ thống tim mạch hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại Atrieve. 2. Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, đầu catheter cản quang. 3. Ba vòng xoắn lại với nhau giúp tăng xác suất bắt dị vật và thêm lợi thế khác biệt khi làm trong những không gian hạn hẹp, Kích cỡ : 2-4 mm x 175cm, 4-8mm x 175cm, 6mm-10mm x 120cm, 9mm-15mm x 120cm, 12mm-20mm x 120cm, 18mm-30mm x 120cm, 27mm - 45mm x 120cm. Chiều dài catheter : 150cm và 100cm. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA 5. Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque 6. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	2
304	TM-106	Dụng cụ bắt dị vật 1 vòng	1. Được thiết kế 1 vòng với góc 90o sử dụng trong hệ thống mạch máu hoặc lỗ rỗng để lấy và thao tác với các vật lạ, loại HALO 2. Trục và vòng xoắn được làm bằng Nitinol, vòng xoắn được mạ vàng quan sát tốt dưới huỳnh quang, đầu catheter cản quang. 3. Kích cỡ : 2mmx175/200cm, 4mmx175/200cm, 5 mm x 120cm, 7mmx175/200cm, 10mm x 65 hoặc 120cm, 15mm x 120cm, 20mm x 120cm, 25mm x 65 hoặc 120cm, 30mm x 120cm, 35mm x 120cm. Catheter : 4Fr và 6Fr. 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO, FDA 5. Đi kèm Ống thông phân chia, Introducer, Torque 6. Tiêu chuẩn đóng gói: Hộp 1 cái, tiệt trùng bằng EO	Cái	2
305	TM-107	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch	Bộ phân phối dùng trong can thiệp tim mạch có dạng nguyên khối, có các van khóa, xoay điều chỉnh đóng mở, chịu áp lực cao và áp lực thấp, khóa xoay dạng «ON» hoặc «OFF». - Vật liệu: Polycarbonate, vật liệu chuyên dụng cho dụng cụ y tế - Thiết kế Block body - Chịu được áp lực cao 500 psi. - Đường kính trong: 0.22 – 0.29 (cm) - Đường dẫn trong suốt để dàng quan sát dòng chảy và phát hiện bọt khí. - Bộ phân phối có van một chiều ở cổng bơm thuốc cản quang nhằm hạn chế bọt khí và sự lây nhiễm chéo. - Đầu nối luer tương thích cổng đực/ cái, cổng xoay ON/ OFF. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.	Bộ	280

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
306	TM-108	Bơm tiêm thuốc cân quang	Bơm tiêm thuốc cân quang có Thân bơm (thân xi lanh) làm từ vật liệu Polycarbonate, Cần pít-tông làm từ nhựa Acrylonitrile-Butadien-Styrol (ABS), Vòng (Gioăng) đệm ở đầu pít-tông (đầu pít-tông) làm từ cao su silicone hoặc chất đàn hồi. - Thể tích: 10 ml - Đầu kết nối: Cổ định hoặc xoay, kết nối luer 6% theo tiêu chuẩn ISO ISO 80369-7 - Màu sắc: trong suốt - Vạch chia rõ ràng và chính xác, giúp kiểm soát tốt liều lượng tiêm - Kích thước đoạn trên thân bơm tiêm có vạch chia: *Đường kính ngoài: 19 ± 0.5 mm *Đường kính trong: 16 ± 0.5 mm *Chiều dài hiệu dụng: 47 ± 0.5 mm - Bơm tiêm trong suốt, dễ dàng quan sát dung dịch bên trong - Đầu nối luer tương thích cổng đực/cái. - Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide.	Cái	700
307	TM-109	Bóng nong mạch vành áp lực cao	1. Chất liệu: Bóng nong động mạch vành loại áp lực cao. Vật liệu thân xa: Pebax/ Nylon Vật liệu thân gần: thép không gỉ phủ với lớp phủ tăng cường. Vật liệu bóng: Quadflex – Hỗn hợp Nylon đặc biệt 2. Thông số kỹ thuật: Đường kính bóng từ: 2,50; 2,75; 3,00; 3,25; 3,50; 3,75; 4,00 (mm). Chiều dài bóng từ: 9, 13, 17, 21, 25, 33 (mm). Chiều dài ống thông: 138cm. Chiều dài lòng ống dây dẫn: 25 cm Lớp phủ: Lớp phủ SiLX2 cho độ trơn trượt tối ưu Kích thước: Thân gần 1,7F; thân xa 2,7F (2,50 mm – 3,25 mm), 2,8F (3,50 mm- 4,00 mm). Biên dạng đầu tip: 0,017" (tương đương 0,43mm). Đường kính tối đa của dây dẫn đường tương thích: 0,014" (tương đương 0,36mm) Đường kính ống thông dẫn đường tương thích: 5F (min ID 0,056"/1,42 mm). Các dấu cân quang trên thân gần: Các dấu cân quang cho can thiệp qua mạch đùi và mạch quay tại vị trí 80 cm & 100 cm. Số nếp gấp bóng: 3 cánh. Thời gian xếp bóng trung bình: <7 giây với bóng 3,00 mm x21 mm Áp suất danh định: 12 bar (tương đương 12 atm). Áp suất nổ giới hạn: 2,50 mm – 3,75 mm: 20 atm; 4,00 mm: 19 atm	Cái	70



STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
308	TM-110	Bóng nong động mạch vành	1. Chất liệu:- Bóng nong động mạch vành loại áp lực thường. - Vật liệu thân xa: Pebax/ Nylon -Vật liệu thân gần: thép không gỉ phủ với lớp phủ trơn mượt. - Vật liệu bóng: Quadflex – Hỗn hợp Nylon đặc biệt 2. Thông số kỹ thuật:Đường kính bóng từ: 1,25; 1,50; 2,00; 2,25; 2,50; 2,75; 3,00; 3,50; 4,00; 4,50 (mm). - Chiều dài bóng từ: 9, 12, 15, 20, 30, 40 (mm). - Loại ống thông: Chuyển đổi nhanh (RX). - Chiều dài ống thông: 138cm. - Chiều dài lòng ống dây dẫn: 25 cm - Lớp phủ: SiLX2 - Kích thước: a. Thân gần: 1,25 mm – 3,00 mm x 20 mm: 1,7F; 3,00 mm x 30 mm – 4,50 mm: 1,9F b. Thân xa: 1,25 mm – 3,00 mm x 20 mm: 2,6F; 3,00 mm x 30 mm – 4,50 mm: 2,7F - Biên dạng đầu tip: 0,017" (tương đương 0,43mm). - Đường kính tối đa của dây dẫn đường tương thích: 0,014" (tương đương 0,36mm) - Đường kính ống thông dẫn đường tương thích: 5F (min ID 0,056"/1,42 mm). - Các dấu căn quang: 2 dấu căn quang Platinum/Iridium. - Số nếp gấp bóng: 1,25 mm – 1,50 mm: 2 cánh, 2,00 mm – 4,50 mm: 3 cánh - Áp suất danh định: 6 bar (tương đương 6 atm). - Áp suất nổ giới hạn: 1,25 mm – 3,00 mm: 14 atm; 3,50 mm – 4,00 mm: 16 atm; 4,50 mm: 14 atm - Đầu kết nối: Đầu kết nối được làm từ Polycarbonate, thiết kế tiện lợi với đoạn chuyển tiếp chống gập gãy.	Cái	100
309	TM-111	Bóng nong mạch vành siêu áp lực cao thành bóng 2 lớp	Dùng trong các trường hợp nong lại tổn thương bị vôi hóa nặng. Bóng có độ giãn nở về đường kính thấp nhất trong phạm vi áp lực lớn nhất so với các bóng PTCA có trên thị trường hiện nay. RBP 35 atm. Cấu trúc bóng kép (2 lớp) có độ đàn hồi tuyến tính, không gây hiện tượng dog-boning. 2 marker Platinum. Khẩu kính đầu vào sang thương 0.016". Khẩu kính băng qua sang thương 0.028". Tương thích ống thông can thiệp tối thiểu 6F đối với đường kính 1.5 - 3.5mm; 7F đối với đường kính 4.0, 4.5mm. Đường kính 1.5, 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5mm; dài 10, 15, 20mm.	Cái	50

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
310	TM-112	Bộ bơm bóng áp lực siêu cao, chịu áp lực tới 40 atm	- Bộ bơm bóng: Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE. - Vật liệu làm bằng Polycarbonate, polymer. - Bơm bóng áp lực cao lên đến tối đa 40 atm - Độ chính xác của áp kế : ± 1 bar. - Thể tích 25 ml. - Kèm bộ kết nối chữ Y dạng bấm.	Cái	50
311	TM-113	Lưới lọc huyết khối tĩnh mạch	Làm từ chất liệu thép không gỉ 316 LVM và tương thích với môi trường MRI. Chiều dài lưới lọc: 55mm (không móc) và 59mm (có móc). Lưới lọc phù hợp với tĩnh mạch có đường kính tối đa lên tới 32 mm. Đặc tính chống ăn mòn tuyệt vời. Chiều dài khác nhau của thanh chống giảm thiểu nguy cơ đan vào nhau. Có 9 thanh chống chia làm 2 tầng: Tầng trên để neo (6 thanh chống ngắn); Tầng dưới để định tâm (3 thanh chống dài). Có 4 đường tiếp cận vào: tĩnh mạch cảnh, đùi, cánh tay, kheo. Đường kính trong của Introducer Sheath là 7F với chiều dài 600mm và 1200mm. Bộ thiết bị cấy ghép lưới lọc bao gồm: lưới lọc ALN, một hệ thống mở đường (dụng cụ nong, bộ dẫn đường vào lòng mạch, ống thông đẩy), một kim chọc dò, một dây dẫn J.	Cái	2
312	TM-114	Bộ lấy/ tái định vị lưới lọc huyết khối tĩnh mạch	Làm từ thép không gỉ và không có điểm hàn. Bộ lấy lưới lọc chỉ được đưa vào từ đường tĩnh mạch cảnh. Có 3 loại hệ thống lấy lưới lọc: hệ thống tháo lưới lọc thẳng ALN, hệ thống lấy lưới lọc cong ALN, hệ thống lấy lưới lọc 2 trong 1 ALN. Kim được thiết kế đặc biệt để chộp lấy đỉnh của lưới lọc. Đường kính trong của Introducer Sheath là 9F với chiều dài 570mm và 610mm. Một bộ lấy lưới lọc bao gồm: một catheter kẹp, một hệ thống mở đường (dụng cụ nong và bộ dẫn đường vào lòng mạch), một kim chọc dò, và một dây dẫn J	Bộ	2
313	TM-115	Bóng nong mạch vành 3 nếp gấp phủ thuốc Paclitaxel	Phủ thuốc Paclitaxel (3.0 $\mu\text{g}/\text{mm}^2$) trên toàn bộ bóng và phần thuôn nhọn của bóng. Cấu trúc nền (matrix): Butyryl-tri-hexyl-citrate (BTHC): giữ thuốc paclitaxel; phân hủy thành axit citric và cồn. Sau khi can thiệp, thuốc paclitaxel giữ ở trên mô khoảng vài ngày. Chiều dài Catheter khả dụng: 138cm. Chiều dài của ống dây dẫn: 27cm. Chất liệu bóng: hợp chất Proprietary polyamide. Chất liệu shaft đầu xa: polyamide, ống nhiều lớp. Chất liệu shaft đầu gần: thép không gỉ, phủ PTFE. Kích thước shaft đầu gần: 1.9 F. Kích thước shaft đầu xa: 2.8 F. Nếp gấp: bóng 3 nếp gấp. Marker bằng Platinum/Iridium. Khẩu kính đầu tip: 0.017" (0.43mm). Dây dẫn tối đa: 0.014" (0.36mm). Ống thông can thiệp khuyến dùng: 5F (đường kính tối thiểu là 0.056"). Đường kính bóng: 2.00; 2.25; 2.50; 2.75; 3.00; 3.25; 3.50; 4.00mm. Chiều dài bóng: 10; 15; 20; 25; 30mm. Áp lực định danh: 7bar. Áp lực vỡ bóng: 13bar (cho bóng có đường kính 2.00-3.5mm); 12bar (cho bóng có đường kính 4.00mm).	Cái	40

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
314	TM-116	Stent mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Chất liệu stent Cobalt Chromium, độ dày khung stent 0.065mm, phủ thuốc Sirolimus, liều 1.4 µg/mm ² , polymer chất liệu PMBA/PEVA tự tiêu. Thiết kế mắt cáo mở dạng Hybrid, xoắn ốc kép, sóng Sin, liên kết 3-3-3. Tiết diện cắt ngang: 0.9-1.2mm, độ co lại theo đường kính <5%, độ co ngắn <2%. Chiều dài khả dụng của hệ thống mang stent: 143cm. Bóng mang stent làm bằng Polyamid, 3 nếp gấp, phủ lớp ái nước SlickCoat. Đầu gần của bóng mang stent có đường kính 2.0F, chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE. Đầu xa của bóng mang stent có đường kính 2.7F, chất liệu Polyamide, nhiều lớp. Tiết diện tại đoạn đầu (tip profile) 0.43mm, áp lực bung bóng 8atm, áp lực vỡ bóng 14-16atm. Đường kính stent: 2.25-4.0mm, chiều dài stent: 8, 12, 15, 16, 18, 23, 28, 33, 38mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	50
315	TM-117	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành	Dây dẫn chẩn đoán mạch vành chất liệu thép không gỉ. Phủ PTFE và lớp bôi trơn. Đường kính 0.032"; 0.035"; 0.038". Chiều dài 70, 150, 180cm. Đầu Straight, J, 3mm, dạng Standard, Fixed core. Có thể sản xuất kích cỡ đặc biệt theo yêu cầu. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	700
316	TM-118	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước loại dài	Lớp phủ Hydrophilic và Polymer tăng khả năng bôi trơn. Trục xa đàn hồi và được phủ lớp Lubricious mang lại khả năng tiếp cận tuyệt vời. Đầu tip 3cm linh hoạt, dễ định hướng, đầu chữ J, thẳng hoặc gấp góc, dạng Regular hoặc Stiff. Đường kính 0.032", 0.035", 0.038". Chiều dài 260cm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	10
317	TM-119	Dây dẫn chẩn đoán phủ lớp ái nước loại ngắn	Lớp phủ Hydrophilic và Polymer tăng khả năng bôi trơn. Trục xa đàn hồi và được phủ lớp Lubricious mang lại khả năng tiếp cận tuyệt vời. Đầu tip 3cm linh hoạt, dễ định hướng, đầu chữ J, thẳng hoặc gấp góc, dạng Regular hoặc Stiff. Đường kính 0.032", 0.035", 0.038". Chiều dài 150, 180cm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	50
318	TM-120	Ống thông chẩn đoán đa năng	Gồm 3 lớp với lưới kép bằng thép không gỉ bên ngoài và lớp multi polyamide bên trong giúp lòng ống lớn. Kết nối đầu gần và đầu xa bằng cách hàn lazer giúp thành ống đồng nhất và cứng hơn. Công nghệ chế tạo thành ống giúp lòng rộng để lưu lượng dòng chảy lớn. Đường kính 4F, 5F, 6F. Chiều dài 100cm. Có đầy đủ các dạng đường cong: JL, JR (loại 3.5, 4.0, 5.0); TIG/ RADIAL TIG (loại 100cm); AL, AR (loại 1.0, 2.0, 3.0); MPA, MPB, SON (loại 1.0, 2.0); IMA, TWIST, 3DRC (loại 1.0); PIG (loại 145°-155°, 100-110cm). Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	300
319	TM-121	Ống thông can thiệp mạch vành	Ống thông can thiệp mạch vành. Kích thước đường kính trong/Đường kính ngoài: 0.058"/0.068" (5F), 0.071"/0.082" (6F), 0.081"/0.094" (7F). Có đầy đủ các dạng: JL, JR, AL, AR, XBU, XBLAD (0.75, 1.0, 2.0, 3.0, 3.5, 4.0, 4.5, 5.0, có SH hoặc không, tùy độ cong). Chiều dài 100cm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	200

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
320	TM-122	Bóng nong mạch vành áp lực cao chất liệu Nylon	Chất liệu Nylon 12, phủ lớp Hydrosurf, lớp ái nước SlickCoat. Thiết kế dạng Rapid Exchange, vai bóng ngắn (ở đầu bóng), 2 vạch đánh dấu Platinum - Iridium. Tiết diện đầu nhỏ nhất 0.42mm, tiết diện dọc nhỏ nhất 0.66mm. Đầu xa: đường kính đầu xa 2.55F (0.85mm), chất liệu Nylon 12. Đầu gần: đường kính 2.0F (0.67mm), chất liệu thép không gỉ, phủ PTFE. Chiều dài hữu dụng catheter: 1400-1420mm. Áp lực thông thường 12 atm, áp lực tối đa 22 atm. Đường kính 2.0-5.0mm, chiều dài 5, 8, 10, 12, 14, 15, 16, 18, 20, 22, 24, 26, 28, 30, 40 mm. Tiêu chuẩn FDA, ISO	Cái	20
321	TM-123	Bóng đối xung động mạch chủ	" - Giảm kích cỡ mặt cắt ngang của catheter đi 12% so với catheter cỡ 8 Fr - Kích cỡ catheter nhỏ hơn giúp tăng dòng máu chảy đến các chi xa - Giảm thiểu kích thước của vết mổ động mạch - Giảm lực đặt catheter đi 43% so với các catheter khác - Chất liệu: o Cả catheter và bộ dụng cụ đi kèm không chứa cao su (latex) - Đóng gói một lớp (Single pouch), có lớp xé ở góc (Corner peel) - Chỉ dùng một lần - Bao gồm: kim chọc, dây dẫn đường (Guidewire), bộ nong các kích cỡ, catheter, ống chỉ, khóa Stopcock ba ngõ (Three – way Stopcock) - Đường kính catheter 7.5Fr - Có ba kích cỡ bóng dựa theo chiều cao bệnh nhân: o Loại 40cc dùng cho người có chiều cao từ 162cm - 183cm o Loại 34cc dùng cho người có chiều cao từ 152cm - 162cm o Loại 25cc dùng cho người có chiều cao < 152cm"	Cái	12
322	TBYT-01	Bộ máy tạo nhịp 01 buồng	- Tương thích chụp MRI toàn thân. - Chuẩn kết nối IS-1. - Bảo hành máy 10 năm và bảo hành pin 100% trong 6 năm đầu và 50% giảm dần trong 4 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 9.7 cc	Bộ	10



STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hóa (tên mời thầu)	Yêu cầu kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
323	TBYT-02	Bộ máy tạo nhịp 02 buồng	- Tương thích chụp MRI toàn thân - Chuẩn kết nối IS-1 - Bảo hành máy 8 năm và bảo hành pin 100% trong 5 năm đầu và 50% giảm dần trong 3 năm tiếp theo. - Có thể kích hoạt và tắt kích hoạt chế độ chụp MRI bằng thiết bị cầm tay (SJM MRI Activator). Có thể chụp MRI ngay sau khi cấy máy. - Hệ thống tạo nhịp AutoCapture cho phép đáp ứng tối đa với ngưỡng tạo nhịp với khả năng xác nhận dẫn tạo nhịp theo từng xung Beat-by-Beat. Hệ thống tạo nhịp AutoCapture tự động phát xung dự phòng 5V khi phát hiện mất dẫn, có thể lập trình cả đơn cực hoặc lưỡng cực. - Bộ tính năng tự động: Ventricular Intrinsic Preference - Ưu tiên dẫn truyền thất nội tại, AF Suppression - Tạo nhịp kiểm soát rung nhĩ và SenseAbility - Tự động nhận cảm - Có cảnh báo loạn nhịp nhanh nhĩ có thể lập trình được. - Lưu điện tâm đồ bên trong buồng tim lên đến 14 phút - Trọng lượng 19g, thể tích 10.4 cc	Bộ	40